

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CHO PHÉP NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐƯỢC ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



(Giấy CNĐKKD số 0106000439 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 20/01/2005)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
Trái phiếu tăng vốn 1.188,631 tỷ đồng đáo hạn năm 2016
Trái phiếu tăng vốn 1.016,014 tỷ đồng đáo hạn năm 2021
Giá phát hành: Bán bằng mệnh giá

BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

❖ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Tháp A, Tòa nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.2200.550 Fax: 04.2200.399

❖ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

+ Trụ sở chính: Tầng 10, Tháp A, Tòa nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 2200.673 Fax: (84.4) 2200.669
+ Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 9142.956 Fax: (84.8) 8218.510

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Mạnh

Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Điện thoại: 04.2200.550

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy CNĐKKD số 0106000439 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 20/01/2005)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

| | | |
|-------------------------------|---|--|
| <i>Tên trái phiếu</i> | : | TRÁI PHIẾU TĂNG VỐN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM |
| <i>Thời gian đáo hạn</i> | : | Trái phiếu Tăng vốn kỳ hạn 10 năm đáo hạn năm 2016 Trái phiếu Tăng vốn kỳ hạn 15 năm đáo hạn năm 2021 |
| <i>Lãi suất</i> | : | Trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2016 có lãi suất là 9,8%/năm cho đến ngày 19/05/2011 và trong trường hợp Trái phiếu không được Tổ chức Phát hành mua lại vào ngày thực hiện Quyền mua lại thì sau đó Trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất là 10,325%/năm Trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2021 có lãi suất là 10,20%/năm cho đến ngày 19/05/2016 và trong trường hợp Trái phiếu không được Tổ chức Phát hành mua lại vào ngày thực hiện Quyền mua lại thì sau đó Trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất là 10,825%/năm |
| <i>Mệnh giá</i> | : | 100.000 đồng |
| <i>Giá niêm yết</i> | : | 100.000 đồng |
| <i>Tổng số lượng niêm yết</i> | : | 22.046.450 trái phiếu |
| <i>Tổng giá trị niêm yết</i> | : | 2.204,645 tỷ đồng |

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Trung tâm Thương mại Daeha, 360 Kim Mã, Hà Nội

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 10, Tháp A, Tòa nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 2200.673 Fax: (84.4) 2200.669

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 9142.956 Fax: (84.8) 8218.510

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 5 |
| II. CÁC KHÁI NIỆM | 5 |
| 1. Giải thích các thuật ngữ | 5 |
| 2. Bảng kê các chữ viết tắt | 7 |
| III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT | 8 |
| 1. Tóm tắt Quá trình Hình thành và Phát triển | 8 |
| 2. Giới thiệu BIDV | 8 |
| 3. Cơ cấu tổ chức của BIDV | 9 |
| 4. Danh sách người sở hữu trái phiếu (Phụ lục đính kèm) | 14 |
| 5. Danh sách các công ty thành viên và các công ty liên doanh của tổ chức niêm yết | 14 |
| 6. Hoạt động kinh doanh | 16 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất | 28 |
| 8. Vị thế của BIDV so với các ngân hàng khác | 36 |
| 9. Chính sách nguồn nhân lực | 37 |
| 10. Tình hình hoạt động tài chính | 38 |
| 11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát | 39 |
| 12. Tài sản Cố định | 43 |
| 13. Kế hoạch lợi nhuận và doanh thu | 44 |
| 14. Đánh giá của BSC về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận kinh doanh của BIDV | 45 |
| 15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của BIDV | 45 |
| 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết | 45 |
| IV. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 46 |
| V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT | 49 |
| VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 49 |
| VII. PHỤ LỤC | 53 |

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Giải thích các thuật ngữ | 5 |
| Bảng 2: Bảng kê các chữ viết tắt | 7 |
| Bảng 3: Các chi nhánh của BIDV | 10 |
| Bảng 4: Tình hình huy động vốn của BIDV | 19 |
| Bảng 5: Danh mục cho vay phân theo loại hình | 20 |
| Bảng 6: Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn | 20 |
| Bảng 7: Phân tích dư nợ cho vay của BIDV | 20 |
| Bảng 8: Cơ cấu tín dụng theo ngành kinh tế | 20 |
| Bảng 9: Tổng dư nợ năm 2004-2005 và tỷ lệ nợ xấu | 21 |
| Bảng 10: Doanh số kinh doanh ngoại tệ | 22 |
| Bảng 11: Giao dịch ngoại tệ | 22 |
| Bảng 12: Các khoản đầu tư góp vốn, liên kết liên doanh | 23 |
| Bảng 13: Chi tiết phân loại nợ | 25 |
| Bảng 14: Dự phòng rủi ro tín dụng | 25 |
| Bảng 15: Tổng hợp thị phần của các NHTM giai đoạn 2000-2004 | 26 |
| Bảng 16: Tóm tắt tình hình hoạt động của BIDV trong 2 năm gần nhất | 28 |
| Bảng 17: Một số chỉ tiêu đánh giá theo tiêu chuẩn IFRS và VAS | 28 |
| Bảng 18: Cơ cấu vốn | 29 |
| Bảng 19: Cơ cấu vốn tự có của BIDV | 29 |
| Bảng 20: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của BIDV | 30 |
| Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính năm 2005 của BIDV | 38 |
| Bảng 22: Báo cáo tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2005 của BIDV | 44 |
| Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận của BIDV | 44 |
| Bảng 24: Bảng số dư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết | 45 |

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

| | |
|--|----|
| Hình 1: Sơ đồ tổ chức theo hệ thống | 9 |
| Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV | 12 |
| Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV | 13 |
| Hình 4: Thị phần Huy động vốn của BIDV trong nhóm NHTM NN đến 31/12/2004 | 27 |
| Hình 5: Thị phần Tín dụng của BIDV trong nhóm NHTM NN đến 31/12/2004 | 27 |

I. CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- Ông **Vũ Quốc Sáu** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Trần Bắc Hà** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông **Nguyễn Văn Phẩm** Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát Hội đồng Quản trị
- Bà **Ngô Thị Ất** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

- Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Công Hường
- Chức vụ: Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết 22.046.450 Trái phiếu tăng vốn của BIDV, với tổng giá trị niêm yết 2.204,645 tỷ, đã phát hành xong ngày 19/5/2006. Hồ sơ niêm yết do BSC chuẩn bị trên cơ sở hợp đồng tư vấn với BIDV. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do BIDV cung cấp.

BSC không khẳng định hoặc bảo đảm, dù rõ ràng hoặc ngụ ý, về tính chính xác, hoàn chỉnh hoặc đầy đủ của các thông tin nêu trong Bản cáo bạch này. Thông tin được cung cấp trong Bản cáo bạch này không nhằm mục đích cung cấp cơ sở cho việc định giá hoặc xếp hạng tín dụng cho bất cứ tổ chức nào.

Người nhận Bản cáo bạch không nên xem Bản cáo bạch này là tài liệu khuyến nghị mua trái phiếu của BIDV. Trước khi quyết định đầu tư, nhà đầu tư phải tự xác định, tự kiểm tra và đánh giá sự phù hợp của thông tin nêu trong Bản báo bạch, thông tin về nhà phát hành và các điều khoản chào bán trái phiếu, bao gồm các lợi ích và rủi ro có liên quan.

3. Các Ngân Hàng Đồng Thu Xếp Phát Hành và Tư vấn phát hành

Ngân hàng Hồng Kông-Thương Hải (HSBC) không khẳng định hoặc bảo đảm, dù rõ ràng hoặc ngụ ý, về tính chính xác, hoàn chỉnh hoặc đầy đủ của các thông tin nêu trong Bản cáo bạch này. Thông tin được cung cấp trong Bản cáo bạch này không nhằm mục đích cung cấp những căn cứ cho việc định giá hoặc xếp hạng tín nhiệm cho bất kỳ ai.

Người nhận Bản cáo bạch không nên xem Bản cáo bạch này là tài liệu khuyến nghị mua trái phiếu của BIDV. Trước khi quyết định đầu tư, nhà đầu tư phải tự xác định, tự kiểm tra và đánh giá sự phù hợp của thông tin nêu trong Bản báo bạch, thông tin về tổ chức niêm yết và các điều khoản của trái phiếu niêm yết, bao gồm các lợi ích và rủi ro có liên quan.

I. CÁC KHÁI NIỆM

1. Giải thích các thuật ngữ

Trừ khi được quy định khác hoặc ngữ cảnh yêu cầu khác đi, trong Bản cáo bạch này các thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau

Bảng 1: Giải thích các thuật ngữ

| | |
|-----------------|---|
| BIDV | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 016000439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20 tháng 01 năm 2005). |
| Dự phòng rủi ro | Là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng của tổ chức tín dụng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tín dụng. Dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng cụ thể và Dự phòng chung. |
| Dự phòng chung | Là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. |
| Dự phòng cụ thể | Là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại cụ thể |

| | |
|---------------------------------------|--|
| | các khoản nợ quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005. |
| Khả năng Thanh toán | i. Khả năng BIDV thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn; ii. Có Tài sản lớn hơn Nợ Phải trả (ngoài các khoản Nợ Phải trả liên quan đến các khoản Nợ Thứ cấp). |
| Luật Điều chỉnh | Áp dụng theo Luật pháp Việt Nam |
| Ngày Giao dịch | Là ngày (không phải là ngày Thứ Bảy, Chủ nhật hay ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam) mà các ngân hàng thương mại mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường tại Việt Nam. |
| Ngày Đến Hạn | i. Đối với trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2016 : Là ngày 19 tháng 5 năm 2016. ii. Trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2021:Là ngày 19 tháng 5 năm 2021. |
| Ngày Phát hành | Ngày 19 tháng 5 năm 2006 |
| Ngày Thanh toán lãi | Ngày 19 tháng 5 hàng năm, kể từ năm 2007 |
| Ngày thực hiện quyền mua lại | i. Đối với trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2016 : Là ngày 19 tháng 5 năm 2011. ii. Đối với trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2021: Là ngày 19 tháng 5 năm 2016. |
| Người Sở hữu Trái phiếu | Là người có tên ghi trên Trái phiếu ghi trong Sổ Đăng ký Ban đầu hoặc Sổ Đăng ký, tùy từng trường hợp. |
| Nợ quá hạn | Là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn. |
| Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) | Bao gồm các khoản nợ trong hạn mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn. |
| Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý) | Bao gồm: - Các khoản nợ quá hạn dưới 90 ngày; - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại. |
| Nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) | Bao gồm: - Các khoản nợ quá hạn từ 90 đến 180 ngày; - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại. |
| Nợ nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) | Bao gồm: - Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày; - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại. |
| Nợ nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) | Bao gồm: - Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; - Các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý; - Các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn đã được cơ cấu lại. |
| Nợ Phải trả | Là tất cả các khoản nợ phải trả hợp nhất của BIDV được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của BIDV. Các khoản nợ này được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam có ý kiến của Tổ chức Kiểm toán được chấp nhận toàn bộ nhưng nếu BIDV đang bị đặt trong tình trạng phá sản hoặc thanh lý thì báo cáo tài chính có thể được Tổ chức Kiểm toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận. |
| Nợ Thứ cấp | Trong trường hợp BIDV bị xử lý theo thủ tục phá sản hay thanh lý, nợ thứ cấp là tất cả các khoản nợ có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các yêu cầu thanh toán của những người gửi tiền và các chủ nợ thứ cấp khác của BIDV (các khoản nợ sẽ bao |

| | |
|-------------------|---|
| | gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả thực tế hoặc sẽ phát sinh trong tương lai). |
| Tài sản | Là tổng tài sản hợp nhất của BIDV được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của BIDV được lập theo Các chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn bộ của Tổ chức Kiểm toán nhưng nếu BIDV đang bị đặt trong tình trạng phá sản hoặc thanh lý thì báo cáo tài chính có thể được Tổ chức Kiểm toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận |
| Tổ chức kiểm toán | Ernst & Young. |
| Trái phiếu | Trái phiếu tăng vốn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |

2. Bảng kê các chữ viết tắt

Bảng 2: Bảng kê các chữ viết tắt

| Chữ viết tắt | Ý nghĩa |
|---------------------|--|
| ALCO | Hội đồng Quản lý tài sản Nợ - Có. |
| ATM | Máy rút tiền tự động. |
| BAMC | Công ty Quản lý nợ và khai thác Tài sản Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. |
| BIC | Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| BIDV | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. |
| BIS | Ngân hàng thanh toán Quốc tế. |
| BKS | Ban Kiểm soát. |
| BLC | Công ty Cho thuê tài chính . |
| BLC II | Công ty Cho thuê tài chính II. |
| BSC | Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. |
| BTC | Công ty Liên doanh Tháp BIDV. |
| BTA | Hiệp định Thương mại Việt Mỹ. |
| BVIM | Công ty Liên doanh Quản lý đầu tư BIDV-Việt Nam Partners. |
| CAR | Hệ số an toàn vốn. |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông. |
| HDQT | Hội đồng quản trị. |
| IAS | Chuẩn mực kế toán Quốc tế. |
| IFRS | Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. |
| ISO | Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế. |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế. |
| LVB | Ngân hàng Liên doanh Lào Việt. |
| NHTM | Ngân hàng Thương mại. |
| SMEs | Khối doanh nghiệp vừa và nhỏ. |
| SBV | Ngân hàng nhà nước Việt Nam. |
| TCNT | Dự án Tài chính nông thôn. |
| TSCĐ | Tài sản cố định. |
| TTGDCK | Trung tâm Giao dịch chứng khoán. |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| USD | Đồng đô la Mỹ. |
| VAR | Value at risk. |
| VAS | Chuẩn mực kế toán Việt Nam. |

| | |
|-----|---|
| VND | Đồng Việt Nam. |
| VPB | Ngân hàng Liên doanh VID Public Bank. |
| WB | Ngân hàng Thế giới. |
| WTO | Tổ chức Thương mại Thế giới. |
| ROE | Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu. |
| ROA | Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản. |

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập năm 1957 để thực hiện nhiệm vụ nhận vốn từ ngân sách Nhà nước cho vay các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Hiện nay, BIDV là một trong những ngân hàng thương mại Nhà nước lớn của Việt Nam, cung cấp nhiều dịch vụ cho vay, nhận tiền gửi và các dịch vụ ngân hàng khác cho mọi thành phần kinh tế tại Việt Nam.

BIDV hiện là một ngân hàng thương mại Nhà nước, nhưng đang có kế hoạch cổ phần hóa và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Quá trình này dự kiến sẽ bắt đầu vào năm 2007.

Các mốc thời gian dưới đây cho thấy các sự kiện thay đổi chính trong quá trình phát triển của BIDV kể từ khi được thành lập năm 1957:

- 1957: Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam (trực thuộc Bộ Tài Chính) theo Quyết định 177/TTg ngày 26 tháng 4 năm 1957 của Thủ tướng Chính Phủ.
- 1981: Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).
- 1990: Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 1992: Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
- 1994: Thành lập lại dưới hình thức tổng công ty Nhà nước theo Quyết định số 90/TTg ngày 7 tháng 3 năm 1994.
- 2001: Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
- 2001-2006: Thực hiện dự án tái cơ cấu nội bộ BIDV.
- 2006: BIDV là ngân hàng đầu tiên được xếp hạng tín nhiệm chính thức bởi tổ chức Moody's.

Những thành tích đã đạt được

- Danh hiệu anh hùng thời kỳ đổi mới;
- Huân chương Độc lập Hạng nhất, nhì;
- Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ;
- Cờ thi đua của Chính phủ;
- Bằng khen, cờ thi đua của Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt;
- 10 người sử dụng lao động tiêu biểu năm 2005;
- Thương hiệu mạnh 2005.

2. Giới thiệu BIDV

- Tên đầy đủ: **NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
- Tên viết tắt: **VIETINDEBANK**



- Logo
- Trụ sở: Tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 4 2200 550; Fax: (84) 4 2200 399

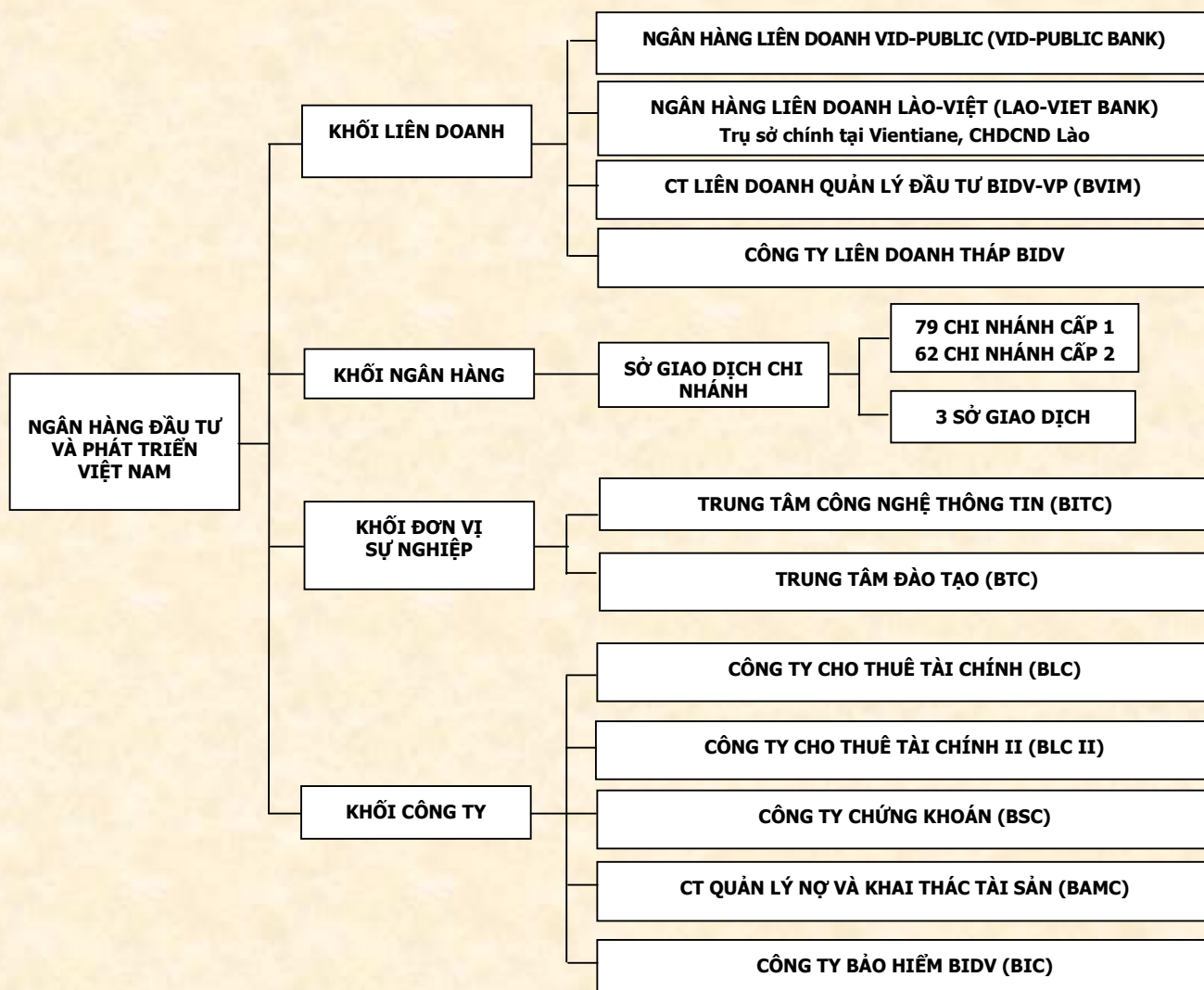
- Website: <http://www.bidv.com.vn>; Email: bidv@hn.vnn.vn
- Vốn Điều lệ (tại thời điểm 31/12/2005): 3.970.997.000.000 đồng Việt Nam
- Giấy phép thành lập: 65/QĐ-NH5 ngày 27 tháng 3 năm 1993 của Ngân hàng Nhà nước.
- Giấy CNĐKKD: 0106000439 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 3 tháng 3 năm 2006.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động khác ghi trong Điều lệ (theo quyết định 936/2002/QĐ-NHNN ngày 03/09/2002).

3. Cơ cấu tổ chức của BIDV.

3.1 Mô hình cơ cấu tổ chức và quản lý

Biểu đồ mô hình tổ chức và quản lý dưới đây minh họa cơ cấu hiện tại của BIDV và các hoạt động kinh doanh cũng như các chức năng giám sát nhất định của BIDV.

Hình 1: Sơ đồ tổ chức theo hệ thống



Bảng 3: Các chi nhánh của BIDV**CÁC CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**

| STT | Đơn vị | Địa chỉ | Điện thoại |
|-----|------------------|--|-------------|
| 1 | Sở giao dịch I | Tầng 7-9, tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, HN. | 04 2234 234 |
| 2 | Sở giao dịch III | Tầng 11, tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, HN. | 04 2200 582 |
| 3 | Hà Nội | 4B Lê Thánh Tông, Hà Nội. | 04 8258 814 |
| 4 | Bắc Hà Nội | 558 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội. | 04 8773 691 |
| 5 | Nam Hà Nội | Km8, Đường Giải Phóng, Hà Nội. | 04 8615 348 |
| 6 | Thăng Long | Đường Phạm Văn Đồng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội. | 04 8362 246 |
| 7 | Hà Thành | 34 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội. | 04 9362 082 |
| 8 | Đông Đô | 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội. | 04 7723 181 |
| 9 | Cầu Giấy | 263 Cầu Giấy, Hà Nội. | 04 8336 457 |
| 10 | Quang Trung | Toà Nhà Prime Center, 53 Quang Trung, Hà Nội. | 04 9432 153 |
| 11 | Đông Anh | Tổ 3, Khối 1, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội. | 04 8832 584 |

CÁC CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

| | Đơn vị | Địa chỉ | Điện thoại |
|---|-------------------|--|-------------|
| 1 | Sở giao dịch II | 117 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh. | 08 8216 125 |
| 2 | TP Hồ Chí Minh | 134 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh. | 08 8230 126 |
| 3 | Thủ Đức | 33 Nguyễn Văn Bá, P.Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP HCM. | 08 7221 117 |
| 4 | Nam Kỳ Khởi Nghĩa | 12-14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP. Hồ Chí Minh . | 08 8218 812 |
| 5 | Sài Gòn | 505 Nguyễn Trãi, P.7, Q.5, TP Hồ Chí Minh. | 08 9509 180 |
| 6 | Tân Tạo | Lô 2-4-6, đường C, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP HCM. | 08 7505 376 |
| 7 | Gia Định | 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Q.Bình Thạnh, TPHCM. | 08 5101 790 |
| 8 | Tân Bình | 354A Cộng Hòa, P.13, Quận Tân Bình, TPHCM. | 08 8498 133 |

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

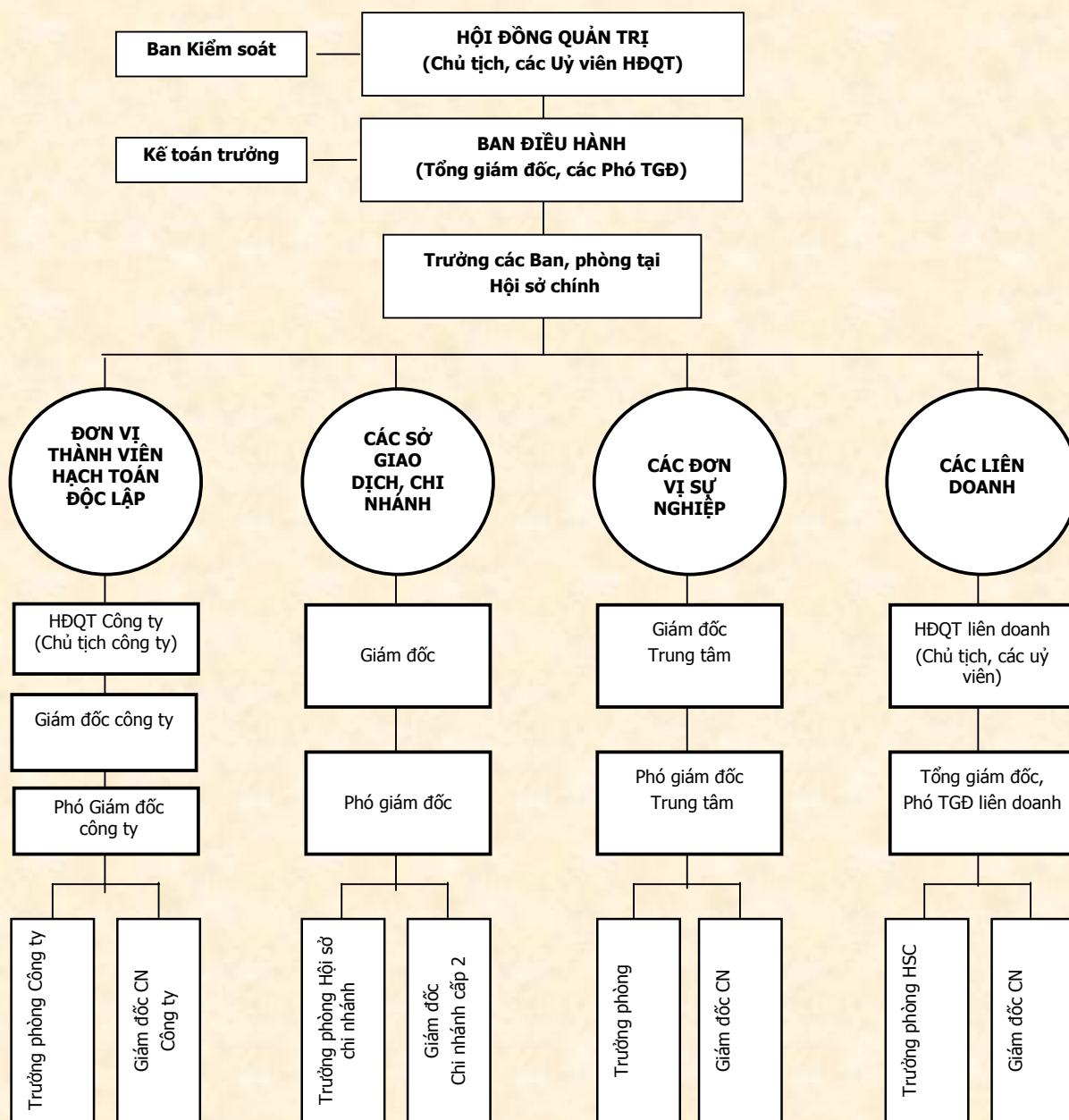
| STT | Đơn vị | Địa chỉ | Điện thoại |
|-----|-----------------|--|-------------|
| 1 | An Giang | 49-51-53 Nguyễn Huệ B, TP Long Xuyên. | 076 843 296 |
| 2 | Bạc Liêu | B42-B44 TT Thương mại Bạc Liêu, Phường 3, TX Bạc Liêu. | 0781823 818 |
| 3 | Bà Rịa-Vũng Tàu | 24, Trần Hưng Đạo, Phường I, TP Vũng Tàu. | 064 856 540 |
| 4 | Bắc Kạn | Tổ 8, Phường Đức Xuân, TX Bắc Kạn. | 0281870 308 |
| 5 | Bắc Giang | Đường Nguyễn Gia Thiều, Phường Trần Phú, TP Bắc Giang. | 0240855 347 |
| 6 | Bắc Ninh | Số 1, Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh. | 0241821 554 |
| 7 | Bến Tre | 21 Đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, TX Bến Tre. | 075 817 050 |
| 8 | Bình Dương | 37 Đường Yersin, TX Thủ Dầu Một. | 0650827 785 |
| 9 | Bình Định | 399 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, Bình Định. | 056 821 113 |
| 10 | Bình Phước | Quốc lộ 14, Phường Tân Bình, TX Đồng Xoài. | 0651870 015 |
| 11 | Bình Thuận | 86 Trần Hưng Đạo, TP Phan Thiết. | 062 822 249 |
| 12 | Cà Mau | 53 Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau. | 0780831 218 |
| 13 | Cần Thơ | 12 Hoà Bình, TP Cần Thơ. | 071 812 934 |
| 14 | Cao Bằng | 46 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, TX Cao Bằng. | 026 852 163 |
| 15 | Đà Nẵng | 90 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. | 0511827 704 |
| 16 | Đắk Lắk | 17 Nguyễn Tất Thành, TP Buôn Mê Thuật. | 050 954 763 |
| 17 | Đắk Nông | Đường 23/3 Thị trấn Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông. | 050 544 780 |
| 18 | Điện Biên | Đường 279, Tổ 11, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên. | 023 825 774 |

| | | | |
|----|----------------|--|-------------|
| 19 | Đồng Nai | Số 7, Đường Bùi Văn Hoá, TP Biên Hoà. | 061 846 980 |
| 20 | Đồng Tháp | 12A, Đường 30/4, Phường 1, TX Cao Lãnh. | 067 851 472 |
| 21 | Gia Lai | 16A Phạm Văn Đồng, TP Pleiku. | 059 827 215 |
| 22 | Hà Giang | Tổ 19, Phường Nguyễn Trãi, TX Hà Giang. | 019 866 988 |
| 23 | Hà Nam | Quốc lộ 1A, TX Phú Lý, Tỉnh Hà Nam. | 0351851 075 |
| 24 | Hà Tây | 197 Quang Trung, TX Hà Đông. | 034 821 139 |
| 25 | Hà Tĩnh | 88 Phan Đình Phùng, Phường Tân Giang, TX Hà Tĩnh. | 039 856 858 |
| 26 | Hải Vân | 119 Nguyễn Lương Bằng, TP Đà Nẵng. | 0511732 683 |
| 27 | Hải Dương | 2 Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương. | 0320894 884 |
| 28 | Hải Phòng | 68-70 Điện Biên Phủ, TP Hải Phòng. | 031 842 043 |
| 29 | Hậu Giang | 29 Đường 1/5, phường 1, TX Vị Thanh. | 071 878 673 |
| 30 | Hoà Bình | Đường Trần Hưng Đạo, Phường Phương Lâm, TX Hoà Bình. | 018 895 283 |
| 31 | Hưng Yên | Số 240 Đường Nguyễn Văn Linh, TX Hưng Yên. | 0321863 358 |
| 32 | Khánh Hoà | 45-47 Đường Thống Nhất, TP Nha Trang. | 058 810 946 |
| 33 | Kiên Giang | 205 Nguyễn Trung Trực, Phường Vĩnh Bảo, TX Rạch Giá. | 077 863 025 |
| 34 | Kon Tum | 1A Trần Phú, P.Quyết Thắng, TX Kon Tum. | 060 862 164 |
| 35 | Lai Châu | Phố Phong Châu 2, Phường Đoàn Kết, TX Lai Châu. | 023 875 255 |
| 36 | Lạng Sơn | Số 1 Hoàng Văn Thụ, Phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn. | 025 813 078 |
| 37 | Lào Cai | Đường Hoàng Sào, TX Lào Cai. | 020 820 017 |
| 38 | Lâm Đồng | 30 Trần Phú, TP Đà Lạt. | 063 823 992 |
| 39 | Long An | 140 Đường Hùng Vương, Phường 2, TX Tân An. | 072 821 608 |
| 40 | Nam Định | 92C Hùng Vương, TP Nam Định . | 0350636 515 |
| 41 | Nghệ An | 216 Đường Lê Duẩn, TP Vinh. | 038 843 184 |
| 42 | Ninh Bình | Đường Lê Hồng Phong, TX Ninh Bình. | 030 871 082 |
| 43 | Ninh Thuận | Số 138 Đường 21 tháng 8, Phước Mỹ, TX Phan Rang. | 068 823 435 |
| 44 | Phú Thọ | 1167 Hùng Vương, Phường Tiên Cát, TP Việt Trì. | 0210840 322 |
| 45 | Phú Yên | 287 Nguyễn Huệ, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên. | 057 823 352 |
| 46 | Quảng Bình | 3 Nguyễn Trãi, TP Đồng Hới, Quảng Bình. | 052 821 920 |
| 47 | Quảng Nam | 4 Phan Bội Châu, TX Tam Kỳ, Quảng Nam | 0510851 281 |
| 48 | Quảng Ngãi | 56 Đại lộ Hùng Vương, TX Quảng Ngãi. | 055 822 682 |
| 49 | Quảng Ninh | 737 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long. | 033 825 757 |
| 50 | Quảng Trị | 24 Hùng Vương, TX Đông Hà. | 053 853 741 |
| 51 | Sóc Trăng | 40 Nguyễn Du, Phường 9, TX Sóc Trăng. | 079 822 398 |
| 52 | Sơn La | 188 Đường Tô Hiệu, TX Sơn La. | 022 852 494 |
| 53 | Tây Ninh | 230 Đường 30/4, TX Tây Ninh. | 066 827 136 |
| 54 | Thái Bình | Đường Lý Thường Kiệt, P.Lê Hồng Phong, TX Thái Bình. | 036 735 551 |
| 55 | Thái Nguyên | Lương Ngọc Quyến, P. Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên. | 0280851 237 |
| 56 | Thanh Hoá | Số 7 Đường Phan Chu Trinh, TP Thanh Hoá. | 037 851 709 |
| 57 | Thừa Thiên-Huế | 18 Lê Lợi, TP Huế. | 054 823 361 |
| 58 | Tiền Giang | 208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP Mỹ Tho. | 073 883 005 |
| 59 | Trà Vinh | 24-26 Phạm Thái Bường, Phường 3, TX Trà Vinh. | 074 856 289 |
| 60 | Tuyên Quang | Đường Bình Thuận, Phường Minh Xuân, TX Tuyên Quang. | 027 822 796 |
| 61 | Vĩnh Long | 50 Nguyễn Huệ, Phường 2, TX Vĩnh Long. | 070 823 452 |
| 62 | Vĩnh Phúc | Số 8, Đường Kim Ngọc, Phường Ngô Quyền, TX Vĩnh Yên. | 0211841 791 |
| 63 | Yên Bái | Phường Hồng Hà, TP Yên Bái. | 029 862 374 |

Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam

(Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2006)

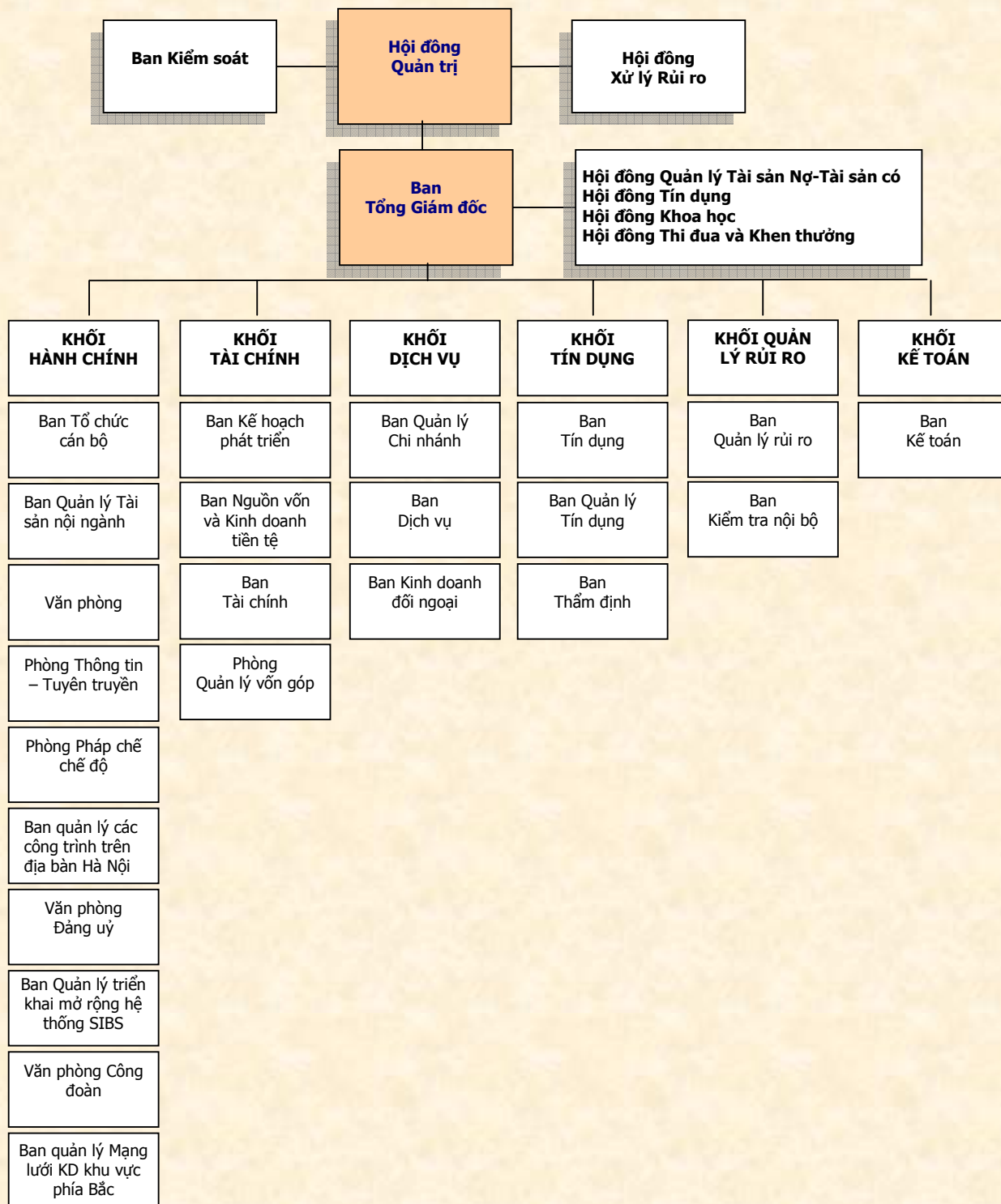
Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI SỞ CHÍNH

(Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2006)

Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



3.2 Tóm tắt các Bộ phận Quản lý Chính

Hội đồng Quản trị:

Chịu trách nhiệm quản lý sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn mà Nhà nước giao quản lý. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm hoạch định chính sách kinh doanh, quản lý kinh doanh, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển chung và kiểm tra giám sát các lĩnh vực quan trọng của BIDV.

Ban Tổng giám đốc:

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định ở trong điều lệ về tổ chức và hoạt động của BIDV.

Ban Kiểm soát:

Chịu trách nhiệm:

- Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán của BIDV theo quy định hiện hành;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động của BIDV;
- Thực hiện giám sát sự an toàn trong hoạt động của BIDV thông qua kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ việc thực hiện cơ chế, chính sách, chế độ, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của BIDV, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Danh sách người sở hữu trái phiếu (Phụ lục đính kèm).

5. Danh sách các công ty thành viên và các công ty liên doanh của tổ chức niêm yết.

• Các Công ty con của BIDV:

➤ Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BSC)

- Tên công ty: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BSC).
- Địa chỉ: Tầng 10, Tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: 84-4-2200673
- Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng
- CNĐKKD: Số 0104000001 cấp ngày 22/03/2006
- Ngành nghề kinh doanh: Thị trường vốn
- Tỷ lệ góp vốn của BIDV: 100%

➤ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BLC)

- Địa chỉ: Tầng 12, tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, Hà nội
- Điện thoại: 84-4-2200599
- Vốn Điều lệ: 102 tỷ đồng
- CNĐKKD Số 0106000246 ngày 20/01/2005
- Lĩnh vực hoạt động: cho thuê tài chính
- Tỷ lệ góp vốn của BIDV: 100%

➤ Công ty cho thuê Tài chính II (BLC II)

- Địa chỉ: Tầng 6, Cao ốc 146, Nguyễn Công Trứ, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 84-8-8217992
- Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng
- CNĐKKD Số 4106000089 ngày 28/12/2004
- Lĩnh vực hoạt động: Cho thuê tài chính
- Tỷ lệ góp vốn của BIDV: 100%

➤ Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC)

- Địa chỉ: Tầng 20, tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, Hà nội
- Điện thoại: 84-4-9745924
- Vốn Điều lệ: 30 tỷ đồng

- CNDKKD Số 0106000317 ngày 13/12/2004
- Ngành nghề kinh doanh: Tài chính ngân hàng
- **Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIC)**
- Địa chỉ: Tầng 10, tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, Hà nội
- Điện thoại: 84-4-2200282
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng
- Giấy phép đầu tư số 2126/GP ngày 15/7/1999 do Bộ KH&ĐT cấp. Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 11/TC/GCN ngày 06/05/1999 do Bộ tài chính cấp.
- Ngành nghề kinh doanh: Bảo hiểm phi nhân thọ
- Tỷ lệ góp vốn của BIDV: 100%
- **Đơn vị liên doanh:**
- **Ngân hàng Liên doanh VID Public (VPB)**
- Địa chỉ: Tầng 7, Toà nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Hà nội
- Điện thoại: 84-4-9438999
- Vốn điều lệ: 20.000.000 đô la Mỹ
- CNDKKD Số 107001 ngày 08/04/2004
- Ngành nghề kinh doanh: Tài chính Ngân hàng
- Tỷ lệ góp vốn: 50%
- **Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt (LVB)**
- Địa chỉ: 44 Lane Xang, Viêng Chăn, Cộng hoà nhân dân Lào
- Điện thoại: 856.21251414
- Vốn điều lệ: 15.000.000 đô la Mỹ
- CNDKKD Số 985/DT/326 ngày 10/06/1999
- Ngành nghề kinh doanh: Tài chính Ngân hàng
- Tỷ lệ góp vốn: 50%
- **Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners (Việt-Mỹ)**
- Địa chỉ: Tầng 12 Tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 Bà Triệu, Hà nội
- Điện thoại: 84-4-2225333
- Vốn điều lệ: 2.000.000 đô la Mỹ
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-QLĐT ngày 06/01/2006 do Bộ Tài chính cấp
- Chức năng hoạt động: Thu xếp, thành lập và quản lý các Quỹ Đầu tư thành lập trong nước và ở nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam, nhận uỷ thác đầu tư và quản lý danh mục đầu tư, thực hiện tư vấn tài chính doanh nghiệp gồm: tái cơ cấu tài chính, chia tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp.
- Tỷ lệ góp vốn của BIDV: 50%
- **Công ty Liên doanh Tháp BIDV (BTC)**
- Địa chỉ: Tầng 12A, Tháp A, Toà nhà VINCOM, 191 phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-9743141
- Tổng vốn đầu tư: 43.673.000 đô la Mỹ
- Vốn điều lệ: 13.102.000 đô la Mỹ
- Quyết định thành lập số: 2523/GP ngày 02/11/2005 do Bộ KH&ĐT cấp.
- Mục tiêu và phạm vi hoạt động: Xây dựng, vận hành, quản lý tổ hợp Văn phòng làm việc, khu thương mại - kinh doanh ("Toà tháp thông minh") đạt tiêu chuẩn quốc tế hạng A tại 194 Trần Quang Khải,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội để cho thuê và cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

- Tỷ lệ góp vốn của BIDV: 55%

- **Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối BIDV: không có.**

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Lĩnh vực kinh doanh chính của BIDV

Hoạt động của BIDV có đầy đủ các chức năng của một ngân hàng thương mại được phép kinh doanh đa năng tổng hợp về tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và phi ngân hàng, làm ngân hàng đại lý, phục vụ các dự án từ các nguồn vốn, các tổ chức kinh tế, tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước. BIDV đặc biệt cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực đầu tư các dự án trọng yếu của Nhà nước.

6.1.1. Sản phẩm và dịch vụ

SẢN PHẨM TIỀN GỬI.

Tài khoản thanh toán (VND, ngoại tệ): Là sản phẩm tiền gửi không kỳ hạn dành cho đối tượng cá nhân và tổ chức, theo đó khách hàng có thể thực hiện các giao dịch với ngân hàng qua tài khoản này vào bất kỳ lúc nào, tại bất kỳ điểm giao dịch nào của BIDV. Lãi suất tiền gửi thanh toán được thống nhất trên toàn hệ thống BIDV. Tiền lãi được cộng dồn hàng ngày và trả vào cuối tháng.

Tiền gửi có kỳ hạn (VND, ngoại tệ):

Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho cá nhân và tổ chức, theo đó mức lãi suất được xác định căn cứ kỳ hạn gửi tiền tại thời điểm gửi tiền.

Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn (VND, ngoại tệ):

Là sản phẩm tiền gửi không kỳ hạn dành cho cá nhân, theo đó khách hàng có thể rút tiền bất kỳ lúc nào tại bất kỳ điểm giao dịch nào của BIDV. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn được thống nhất trong toàn hệ thống. Tiền lãi được tính và trả vào cuối tháng.

Tiền gửi tiết kiệm bậc thang (VND):

Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho đối tượng cá nhân với mức lãi suất gia tăng lũy tiến theo số dư tiền gửi.

Tiết kiệm dự thưởng:

Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho cá nhân có kèm theo cơ hội được tham gia dự thưởng đối với khách hàng gửi tiền.

Tiết kiệm "Ổ trứng vàng":

Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn với mức lãi suất gia tăng lũy tiến theo số dư dành cho đối tượng cá nhân được thực hiện thông qua việc điều chuyển tiền tự động từ tài khoản tiền gửi thanh toán hoặc gửi tiền mặt trực tiếp vào tài khoản

Tiết kiệm rút dần:

Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm dành cho đối tượng cá nhân, trong đó khách hàng được phép rút dần một số tiền cố định vào những thời điểm cụ thể trong tương lai với mức lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi và số lần rút đã cam kết.

Kỳ phiếu (VND, ngoại tệ):

Là loại giấy tờ có giá được BIDV phát hành cho đối tượng là cá nhân và tổ chức, có thời hạn dưới 12 tháng trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời gian nhất định cùng các điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết giữa BIDV và khách hàng.

Trái phiếu coupon (VND, ngoại tệ):

Là loại giấy tờ có giá được BIDV phát hành cho đối tượng là cá nhân và tổ chức, có thời hạn dài trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời gian nhất định cùng các điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết giữa BIDV và khách hàng. Trái phiếu này được đính kèm coupon để thanh toán lãi suất thanh toán định kỳ (thường là hàng năm).

Chứng chỉ tiền gửi dài hạn (VND, ngoại tệ):

Là loại giấy tờ có giá được BIDV phát hành cho đối tượng là cá nhân và tổ chức, có thời hạn từ một năm trở lên trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời gian nhất định cùng các điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết giữa BIDV và khách hàng.

SẢN PHẨM TÍN DỤNG

- Cho vay cá nhân
 - Cho vay hỗ trợ nhu cầu nhà ở: Cho vay để trang trải các chi phí cần thiết liên quan đến việc mua nhà ở, mua đất và chi phí xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở.
 - Cho vay mua ô tô: BIDV hỗ trợ một phần chi phí mua ô tô.
 - Cho vay cán bộ công nhân viên: cho vay các chi phí để thực hiện phương án kinh doanh hoặc phục vụ nhu cầu tiêu dùng.
 - Cho vay khác.
- Cho vay các tổ chức kinh tế
 - Cho vay vốn lưu động theo món: Đối tượng cho vay là các chi phí vật tư, hàng hoá, chi phí nhân công, nhiên liệu, nộp thuế... và các chi phí khác liên quan đến vốn lưu động của khách hàng. Áp dụng cho các khách hàng vay vốn từng lần (theo món) dựa trên nhu cầu vốn của từng phương án kinh doanh của khách hàng, mỗi lần vay khách hàng ký hợp đồng tín dụng và lập bảng kê rút vốn.
 - Cho vay vốn lưu động theo hạn mức tín dụng: Đối tượng cho vay là các chi phí vật tư, hàng hoá, chi phí nhân công, nhiên liệu, nộp thuế... và các chi phí khác liên quan đến vốn lưu động của khách hàng. Áp dụng cho các khách hàng hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định có nhu cầu vay vốn thường xuyên.
 - Cho vay tài trợ xuất khẩu: đối tượng cho vay là các chi phí để thu mua, chế biến nguyên vật liệu, hàng hoá theo các hợp đồng xuất khẩu hoặc LC.
 - Cho vay tài trợ dự án: Khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án mua sắm máy móc thiết bị, đầu tư tài sản cố định.
 - Cho vay thi công xây lắp (theo món): Đối tượng cho vay là các chi phí để thực hiện các hợp đồng thi công các công trình đã trúng thầu và có hợp đồng thi công. Áp dụng cho các khách hàng có nhu cầu vay vốn từng lần (theo món) để thực hiện từng hợp đồng cụ thể.
 - Cho vay thi công xây lắp (theo hạn mức tín dụng): Đối tượng cho vay là các chi phí để thực hiện các hợp đồng thi công các công trình đã trúng thầu và có hợp đồng thi công. Áp dụng cho các khách hàng có nhu cầu vay vốn thường xuyên.

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ KINH DOANH TIỀN TỆ

- Giao dịch giao ngay: Là giao dịch mà ở đó một đồng tiền này được trao đổi với một đồng tiền khác theo tỷ giá xác định vào ngày giao dịch và việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo của Ngân hàng.
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ: Là giao dịch mua (hoặc bán) giữa hai đồng tiền với tỷ giá xác định ngay trong ngày giao dịch, ngày giá trị sẽ là một ngày trong tương lai do Ngân hàng và khách hàng tự thoả thuận.
- Giao dịch quyền chọn tiền tệ: Là giao dịch ở đó khách hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) mua hoặc bán một số lượng tiền tệ theo một tỷ giá đã xác định trong khoảng thời gian hoặc một ngày cố định trong tương lai.
- Nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ: Là giao dịch ở đó BIDV đồng thời thực hiện mua và bán (hoặc bán và mua) cùng một lượng tiền tệ với khách hàng, thời hạn của hai giao dịch này là khác nhau và tỷ giá được xác định ngay tại thời điểm ký hợp đồng.

SẢN PHẨM TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

- Chuyển tiền đến: BIDV nhận lệnh thanh toán từ ngân hàng đại lý sẽ trả cho người hưởng lợi theo chỉ dẫn.
- Chuyển tiền đi: BIDV nhận lệnh chuyển tiền từ khách hàng và thực hiện thanh toán theo chỉ dẫn thông qua ngân hàng giữ tài khoản Nostro. BIDV có thể chuyển tiền đến bất cứ địa điểm nào vào bất cứ thời gian nào.
- Nhờ thu Hồi phiếu trơn: Khi nhận được chứng từ tài chính, BIDV sẽ gửi chứng từ đòi tiền đến ngân hàng nhờ thu đòi tiền người trả tiền.
- Phát hành Hồi phiếu: BIDV phát hành hồi phiếu ngân hàng theo thoả thuận với ngân hàng có quan hệ đại lý theo yêu cầu của khách hàng
- Phát hành thư Tín dụng (L/C): là việc BIDV phát hành ban hành văn bản theo chỉ dẫn của người yêu cầu cam kết thanh toán cho người hưởng lợi khi xuất trình chứng từ phù hợp với điều kiện điều khoản của tín dụng thư.

- Thông báo L/C: Sản phẩm này cung cấp chức năng thông báo tín dụng thư của chi nhánh hoặc ngân hàng đại lý phát hành đến người hưởng lợi.
- Thông báo và xác nhận L/C: Sản phẩm này cung cấp chức năng thông báo và xác nhận tín dụng thư của chi nhánh hoặc ngân hàng đại lý phát hành đến người hưởng lợi.
- L/C chuyển nhượng: Qua việc nhận được L/C chuyển nhượng theo yêu cầu của người hưởng lợi thứ nhất, BIDV có thể chuyển nhượng L/C cho bên thứ 3 với một giá trị nhỏ hơn giá trị của toàn bộ thư tín dụng, và phần chênh lệch sẽ được trả cho người hưởng lợi thứ nhất.
- Nhờ thu kèm chứng từ hàng nhập: là xử lý các chứng từ theo chỉ dẫn của ngân hàng gửi tiền để nhận được các khoản thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán từ người được ký phát.
- Nhờ thu kèm chứng từ hàng xuất: OBC được lập trên cơ sở nhân được các chứng từ tài chính và/hoặc thương mại từ khách hàng, BIDV sẽ gửi các chứng từ này đến NH nhờ thu tại nơi khác hoặc quốc gia khác để nhờ thu cho người ký phát.
- Thông báo bảo lãnh: sản phẩm được thiết kế để cung cấp chức năng thông báo bảo lãnh của BIDV
- Xác nhận bảo lãnh: Khi BIDV tiến hành xác nhận bảo lãnh thì BIDV cam kết thực hiện tất cả các điều khoản điều kiện của bảo lãnh đó.
- Bảo lãnh nhận hàng: được phát hành theo yêu cầu của khách hàng/ người nhập khẩu để đảm bảo rằng người đó có thể nhận được hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đến nơi nhập khẩu trước khi ngân hàng phát hành/ nhờ thu nhận được chứng từ.
- Chiết khấu: BIDV đàm phán và chiết khấu và có quyền truy đòi người XK dựa trên L/C do chính BIDV hoặc NH khác phát hành dựa trên hạng mức tín dụng đã được thiết lập.
- Thanh toán séc du lịch: là dịch vụ BIDV ứng tiền mặt khi khách hàng xuất trình séc du lịch đủ điều kiện.

DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN

- Chuyển tiền đi trong nước: BIDV chuyển tiền cho người thụ hưởng trong nước theo lệnh của khách hàng. Với mạng lưới hơn 200 đơn vị thanh toán, BIDV sẽ thực hiện các yêu cầu chuyển tiền tới tất cả các địa phương trong cả nước.
- Chuyển tiền đến trong nước: Khi nhận được yêu cầu thanh toán, chi nhánh BIDV phục vụ người thụ hưởng sẽ thực hiện thanh toán bằng cách ghi Có vào tài khoản hoặc chi trả tiền mặt cho người hưởng.
- Chuyển tiền kiều hối: BIDV thực hiện lệnh chuyển tiền từ nước ngoài về cho người thụ hưởng tại Việt Nam.

E-BANKING

- Thẻ ATM
 - Thẻ Etrans 365+: Là thẻ ghi nợ do BIDV phát hành cho khách hàng cá nhân. Khách hàng có thể rút tiền từ hệ thống máy BIDV ATM trên toàn quốc từ tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn (CA/SA) của mình.
 - Thẻ Vạn dặm: Là loại thẻ ghi nợ do BIDV phát hành cho khách hàng cá nhân, khách hàng gửi tiền vào tài khoản CA/SA và rút tiền từ các máy ATM của BIDV trên toàn quốc.
 - Thẻ Power: Là thẻ ATM với tính năng cho vay do BIDV phát hành cho khách hàng cá nhân; khách hàng nộp tiền vào tài khoản CA/SA và rút tiền tại các máy ATM trên toàn quốc; với tính năng thấu chi, tài khoản của khách hàng sẽ được thấu chi với số tiền bằng hạn mức thấu chi.
- Dịch vụ gửi, nhận tin nhắn tự động (BSMS): Là một loại dịch vụ cung cấp qua điện thoại di động. Khách hàng sử dụng dịch vụ này có thể thực hiện các giao dịch như xem tỷ giá, lãi suất, thông báo về biến động số dư tài khoản trong ngày.
- Dịch vụ ngân hàng tại gia homebanking: Khách hàng sử dụng máy tính để truy vấn thông tin về tài khoản và thực hiện các lệnh chuyển tiền; BIDV nhận các lệnh chuyển và phan điện đi tới người thực hưởng; khách hàng phải trả phí cho dịch vụ này.

DỊCH VỤ NGÂN QUỸ

- Thu hộ tại doanh nghiệp: Nhân viên BIDV đến trụ sở làm việc/đại lý/chi nhánh của doanh nghiệp để thu tiền mặt.
- Thu đổi tiền cũ hỏng: BIDV đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông của khách hàng thành tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.
- Kiểm đếm tiền tại trụ sở ngân hàng: Khách hàng mang tiền đến ngân hàng để nghị ngân hàng kiểm đếm.

- Kiểm định tiền thật, giả: Khách hàng mang tiền đến ngân hàng để nghị kiểm định thật, giả.

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ KHÁC

- Góp vốn và liên doanh – liên kết trong và ngoài nước.
- Cung cấp các dịch vụ đầu tư chứng khoán thông qua Công ty Chứng khoán BIDV (BSC).
- Làm ngân hàng chi định thanh toán chứng khoán cho TT giao dịch 2 Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Cho thuê tài chính thông qua Công ty Cho thuê Tài chính BIDV (BLC).
- Bảo hiểm phi nhân thọ thông qua Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC).
- Tư vấn tài chính và đầu tư.
- Làm ngân hàng đại lý cho vay tài trợ ủy thác đối với các nguồn vốn hỗ trợ phát triển trong nước và quốc tế.
- Các dịch vụ chi trả tiền lương: là việc BIDV thực hiện lệnh chi của khách hàng cho nhiều người thụ hưởng đồng thời trong một giao dịch. Trong đó, người thụ hưởng có thể có hoặc không có tài khoản tại ngân hàng.

6.1.2. Huy động vốn

Huy động vốn bao gồm việc nhận tiền gửi bằng tiền Đồng và bằng ngoại tệ cũng như sử dụng thị trường tiền tệ và phát hành các giấy tờ có giá ngắn và dài hạn.

BIDV hiện đang thực hiện chiến lược nhằm đa dạng hóa nguồn huy động bao gồm nhiều sản phẩm tiết kiệm, cung ứng thêm nhiều tiện ích tiền gửi, giao nhiều quyền hạn cho các giám đốc chi nhánh trong việc định lãi suất và phát triển quan hệ hợp tác với các khách hàng lớn nhằm huy động nguồn vốn nhàn rỗi để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2005, lượng vốn huy động của tổ chức kinh tế và dân cư lên tới 87.026 tỷ đồng chiếm 75,76% tổng nợ phải trả của BIDV.

Bảng 4: Tình hình huy động vốn của BIDV

NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG 2004 -2005

Đơn vị: tỷ đồng

| TT | Khoản mục | Năm 2004 | | Năm 2005 | |
|----------|-----------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| | | Số dư | Tỷ trọng (%) | Số dư | Tỷ trọng (%) |
| | Nguồn vốn huy động | 67.262 | | 87,026 | |
| 1 | Phân theo khách hàng | 67.262 | | 87.026 | |
| | + TCKT | 31.548 | 46,90 | 43.095 | 49,52 |
| | + Dân cư | 35.714 | 53,10 | 43.931 | 50,48 |
| 2 | Phân theo kỳ hạn | 67.262 | | 87.026 | |
| | + Không kỳ hạn | 17.700 | 26,31 | 20.861 | 23,97 |
| | + Dưới 12 tháng | 21.123 | 31,41 | 30.322 | 34,84 |
| | + Từ 12 tháng trở lên | 28.439 | 42,28 | 35.843 | 41,19 |
| 3 | Phân theo loại tiền | 67.262 | | 87.026 | |
| | + VND | 51.368 | 76,37 | 68.663 | 78,90 |
| | + Ngoại tệ | 15.894 | 23,63 | 18.363 | 21,10 |

Ghi chú:

Chỉ tiêu huy động vốn được lấy theo hướng dẫn tại Thông tư số 49/2004/TT-BTC ngày 03/6/2004 hướng dẫn chi tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của các tổ chức tín dụng nhà nước, bao gồm:

- Tiền gửi dân cư;
- Tiền gửi tổ chức kinh tế;
- Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác.

6.1.3. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng bao gồm việc cung cấp các khoản nợ thương mại, các khoản nợ theo chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước và các khoản nợ ngắn, trung và dài hạn.

Tổng dư nợ cho vay và ứng trước khách hàng năm 2005 so với năm 2004 tăng 17,9%. Trong tổng dư nợ, cho vay thương mại đạt 75.134 tỷ VND, chiếm 87,94% (năm 2004: 85,23%), tăng 4,33%. Tỷ lệ cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch nhà nước vốn là các khoản dư nợ cũ từ trước năm 1998 giảm dần qua các năm (đến năm 2005 chỉ còn 5,92%) và không phát sinh nợ mới.

Bảng 5: Danh mục cho vay phân theo loại hình

Đơn vị: triệu đồng

| | 31/12/2004 | 31/12/2005 |
|--|-------------------|-------------------|
| Cho thuê tài chính | 919.042 | 1.040.138 |
| Cho vay thương mại | 61.739.034 | 75.134.140 |
| Cho vay chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước | 6.304.677 | 5.062.222 |
| Cho vay ODA | 2.864.723 | 3.829.660 |
| Nợ cho vay được khoan hồng | 602.699 | 368.216 |
| Tổng cộng | 72.430.175 | 85.434.376 |

Bảng 6: Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn

Đơn vị: %

| Kỳ hạn | Năm 2004 | Năm 2005 |
|----------------|-----------------|-----------------|
| Ngắn hạn | 54,3 | 58 |
| Trung, dài hạn | 45,7 | 42 |

Cơ cấu tín dụng từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng dư nợ trung dài hạn giảm còn 42%. Tỷ trọng dư nợ cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh và có vốn đầu tư nước ngoài tăng, chiếm 48% tổng dư nợ. Tỷ lệ dư nợ có tài sản đảm bảo trên tổng dư nợ đạt 66% và đặc biệt tỷ lệ nợ quá hạn tính đến năm 2005 là 3,2%.

BIDV tiếp tục thực hiện chiến lược từng bước chuyển dịch cơ cấu tín dụng và phân loại khách hàng nhằm tuân thủ các yêu cầu của WB đối với sự phát triển cơ cấu tín dụng và với Kế hoạch Tái Cơ cấu của BIDV.

Phân tích dư nợ cho vay của BIDV theo loại hình doanh nghiệp kinh doanh như sau:

Bảng 7: Phân tích dư nợ cho vay của BIDV

| | Năm 2005 | |
|---|-------------------|----------------------|
| | Triệu VNĐ | 2005/2004 (%) |
| Doanh nghiệp quốc doanh | 44.425.876 | 52,0 |
| Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và đối tượng khác | 38.445.469 | 45,0 |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 2.563.031 | 3,0 |
| Tổng cộng | 85.434.376 | 100 |

Năm 2005, BIDV đã giảm tỷ lệ cho vay xây lắp theo đúng mục tiêu và đẩy mạnh cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay tiêu dùng, xuất nhập khẩu, cho vay các ngành kinh tế tiềm năng.

Cơ cấu tín dụng của BIDV theo ngành kinh tế như sau:

Bảng 8: Cơ cấu tín dụng theo ngành kinh tế năm 2005

| | Triệu VNĐ | Tỷ trọng (%) |
|---|------------------|---------------------|
| Xây dựng | 31.183.547 | 36,5 |
| Thương mại và dịch vụ | 12.815.156 | 15,0 |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 12.387.985 | 14,5 |
| Công nghiệp chế biến | 11.704.509 | 13,7 |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước | 7.689.094 | 9,0 |
| Công nghiệp khai thác | 4.698.891 | 5,5 |
| Giao thông vận tải | 2.990.203 | 3,5 |

| | | |
|-----------------------|-------------------|------------|
| Ngành khác | 1.281.516 | 1,5 |
| Khách sạn và nhà hàng | 683.475 | 0,8 |
| TỔNG CỘNG | 85.434.376 | 100 |

BIDV cũng đã thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN của SBV để đánh giá đúng thực trạng chất lượng tín dụng của BIDV, hướng tới phân loại nợ theo chuẩn mực quốc tế. Kết quả phân loại nợ của BIDV cho thấy tỷ lệ nợ xấu năm 2005 là 12,47% giảm 2,09% so với năm 2004 do BIDV đã thực hiện hàng loạt các biện pháp quản lý chất lượng tín dụng.

Trong quản lý tín dụng, BIDV đã thực hiện đánh giá phân loại khách hàng để áp dụng chính sách phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Hiện tại BIDV đã xây dựng được hệ thống khách hàng quan hệ tín dụng rộng với quy mô gần một triệu khách hàng trong đó có 350.000 khách hàng là doanh nghiệp. Việc phân loại khách hàng được thực hiện thông qua phân tích đánh giá tình hình tài chính (ít nhất là 02 năm gần nhất), quan hệ tín dụng để tính điểm thông qua mô hình xếp hạng tín dụng.

Đồng thời, BIDV tiếp tục thực hiện chính sách dự phòng rủi ro cho các khoản nợ xấu, với số dư dự phòng rủi ro tín dụng vào 31/12/2005 là 2.718 tỷ VND tăng 23% so với năm 2004.

Bảng 9: Tổng dư nợ năm 2004-2005 và tỷ lệ nợ xấu

Đơn vị: triệu đồng

| Chi tiêu | 2004 | 30/11/2005 | 31/12/2005 |
|---|-------------|-------------------|-------------------|
| Tổng dư nợ (không bao gồm bảo lãnh, CKTT) | 69.577.747 | 79.339.297 | 83.325.000 |
| Tổng dư nợ (bao gồm bảo lãnh, CKTT) | 81.574.708 | 96.270.114 | 100.226.229 |
| Dư BL, CKTT | 11.996.961 | 16.930.817 | 16.901.229 |
| Nhóm I | 45.867.000 | 49.977.053 | 55.024.298 |
| Nhóm II | 13.581.000 | 17.575.923 | 17.908.226 |
| Nhóm III | 2.278.437 | 2.456.301 | 2.965.049 |
| Nhóm IV | 1.203.614 | 1.618.087 | 892.167 |
| Nhóm V | 6.647.696 | 7.711.933 | 6.535.260 |
| Nợ xấu | 10.129.747 | 11.786.321 | 10.392.476 |
| Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ vay (gồm BL,CKTT) | 12,42% | 12,24% | 10,37% |
| Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ vay (không bao gồm BL,CKTT) | 14,56% | 14,86% | 12,47% |

Ghi chú:

- Tổng dư nợ của toàn hệ thống, bao gồm 81 chi nhánh và Công ty Cho thuê Tài chính và Cho thuê Tài chính II.
- Dư nợ bao gồm nợ khoanh, nợ chờ xử lý, không bao gồm dư nợ uỷ thác đầu tư.
- Số liệu phân loại nợ năm 2004, lấy theo đề án xử lý nợ xấu năm 2004.
- Số liệu phân loại nợ năm 2005:
 - + Số liệu 30/11/2005, lấy theo báo cáo kiểm toán năm 2005.
 - + Số liệu 31/12/2005, lấy theo đề án xử lý nợ xấu năm 2005.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Hoạt động thanh toán trong nước:

Năm 2005, BIDV đã xây dựng các chương trình, ứng dụng mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng như: BIDV-Homebanking với chức năng chuyển khoản, thanh toán, xem thông tin khoản vay, thông tin ngân hàng...; Sản phẩm BIDV-Smart@ccount cung cấp cho các khách hàng là các doanh nghiệp lớn; Chương trình thanh toán kết quả bù trừ chứng khoán; thực hiện kết nối giữa một số chi nhánh của BIDV với các ngân hàng để

phục vụ khách hàng nhằm tăng thu dịch vụ, giảm chi phí cho toàn ngành. Doanh số thanh toán trong nước đạt 223.709 tỷ VND và 3.833 triệu USD, các ngoại tệ khác tương đương 134 triệu USD quy đổi.

Hoạt động thanh toán quốc tế:

Doanh số thanh toán quốc tế của BIDV năm 2005 đạt 6,45 tỷ USD, tăng 53,6% so với năm 2004 (doanh số thanh toán quốc tế năm 2004 là gần 4,2 tỷ USD), trong đó doanh số thanh toán xuất khẩu của BIDV đạt 1,2 tỷ USD, thanh toán nhập khẩu đạt 2,6 tỷ USD.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

Dưới đây là là doanh số thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong 2 năm 2004 và 2005 như sau:

Bảng 10: Doanh số kinh doanh ngoại tệ

Đơn vị: Triệu USD

| | Năm 2004 | Năm 2005 |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh số kinh doanh ngoại tệ | 9.900 | 13.800 |
| Tăng trưởng (%) | 30% | 39% |

BIDV thực hiện giao dịch với trên 15 loại ngoại tệ mạnh khác nhau, trong đó bao gồm những đồng tiền chủ đạo như USD, EUR, JPY, GBP, AUD... Hoạt động mua bán ngoại tệ được quản lý tập trung tại Hội sở chính theo đó các giao dịch bán buôn trên liên ngân hàng chỉ được thực hiện tại Hội sở chính. Hoạt động mua bán ngoại tệ bán lẻ phục vụ doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cá nhân được thực hiện tại tất cả các chi nhánh trên phạm vi toàn quốc với các giao dịch như giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn.

Tổng doanh thu từ dịch vụ kinh doanh ngoại tệ, tăng 39% so với năm 2004. Doanh thu thuần từ việc kinh doanh ngoại tệ đạt 44 tỷ đồng..

Trong năm 2005, BIDV đã giới thiệu tới khách hàng các sản phẩm phái sinh như quyền chọn tiền tệ (currency option), quyền chọn lãi suất (Interest rate option), hoán đổi lãi suất (Interest rate swap), quản lý tài sản (Asset management).

Bảng 11: Giao dịch ngoại tệ

Đơn vị: VND

| | 31/12/2005 | |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| | Cam kết mua | Cam kết bán |
| Giao dịch ngoại tệ giao ngay | 6.278.617.984 | 7.639.281.330 |
| Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn | 467.994.393.960 | 583.503.669.669 |
| Giao dịch ngoại tệ hoán đổi | - | - |

Hoạt động bảo lãnh:

BIDV cung cấp các loại hình dịch vụ bảo lãnh khác nhau, bao gồm bảo lãnh trong thi công xây lắp, cam kết thanh toán L/C, bảo lãnh thanh toán trái phiếu... Năm 2005, số dư bảo lãnh của BIDV đạt 22.443 tỷ VND, phí bảo lãnh đạt 111,53 tỷ VND.

Hoạt động thẻ:

Đối với hoạt động kinh doanh thẻ trong năm 2005, BIDV đã phát hành 300.000 thẻ. Mức phí ròng thu được từ hoạt động kinh doanh thẻ của BIDV năm 2005 đạt 5,3 tỷ VND, tăng 77,8% so với năm 2004.

6.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hoạt động đại lý uỷ thác:

BIDV đã được Bộ Tài chính chấp thuận chọn làm ngân hàng phục vụ 16 chương trình dự án mới từ nguồn ADB, WB, NIB, Nhật, Đức, và các nước khác với tổng trị giá đạt 436,64 triệu USD vào cuối năm 2005. Tổng số dự án uỷ thác là 242 (120 dự án cho vay lại và 122 dự án uỷ thác rút vốn). Năm 2005, doanh số cho vay 1.344 tỷ VND, dư nợ 3.830 tỷ VND, lãi và phí thu 3,05 tỷ VND (không kể phí thu từ nguồn JBIC và thu phí khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Dự án Tài chính nông thôn (TCNT):

Dư nợ dự án TCNT I đạt 1.281 tỷ VND, không có nợ quá hạn của các định chế. Dư nợ dự án TCNT II đạt 2.091 tỷ VND. Với thành công của 2 dự án, BIDV đang hoàn thiện thủ tục để tiếp nhận Dự án TCNT III.

6.1.6. Hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh

Bảng 12: Các khoản đầu tư góp vốn, liên kết liên doanh

Đơn vị: triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|---|----------------|----------------|
| Các khoản đầu tư thông thường theo giá gốc | 26.759 | 80.415 |
| Trừ dự phòng giảm giá đầu tư | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc | 20.000 | 20.000 |
| Lãi ròng từ đầu tư vào công ty liên kết | - | - |
| Cộng các khoản đầu tư vào công ty liên doanh theo giá gốc | 227.411 | 325.382 |
| Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá (*) | 48.332 | 50.859 |
| Phân chia thu nhập ròng của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu | 34.319 | 41.911 |
| Tổng cộng | 356.821 | 518.567 |

(*): Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty liên doanh từ USD sang VND cho mục đích hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Tình hình đầu tư của BIDV:

Trong 5 năm (từ 2001 đến 2005), BIDV đã triển khai Đề án tái cơ cấu và chú trọng phát triển hoạt động đầu tư thương mại (ĐTMM). Tính đến 31/12/2005 ĐTMM bao gồm 19 khoản đầu tư với 4 công ty trực thuộc, 4 liên doanh, 3 ngân hàng thương mại cổ phần, 6 công ty cổ phần, 1 Quỹ bảo lãnh Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Quỹ tín dụng nhân dân trung ương. Trong đó phần góp vốn vào công ty trực thuộc chiếm 47% tổng giá trị đầu tư, vào liên doanh chiếm 40%, vào góp vốn mua cổ phần chiếm 12,4%.

Cơ cấu hoạt động đầu tư của BIDV cũng chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng đầu tư vào các lĩnh vực phi ngân hàng, tài chính như: năng lượng, bưu chính viễn thông, đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê. Các phương thức đầu tư bao gồm góp vốn thành lập công ty liên doanh, cổ phần, mua lại phần vốn góp của đối tác nước ngoài để chuyển thành công ty 100% vốn của BIDV; tham gia mua cổ phiếu của các đơn vị cổ phần/cổ phần hoá theo phương thức thoả thuận hoặc đấu giá trực tiếp trên thị trường chứng khoán (Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh, Công ty Thiết bị Bưu điện POSTEF, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại...).

Việc góp vốn, liên doanh và mua cổ phần của BIDV đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, SBV và nội bộ BIDV, an toàn, hiệu quả. Tổng giá trị các khoản đầu tư thương mại (không tính 4 công ty trực thuộc) là 431.864 triệu đồng, chiếm 10,4 % vốn điều lệ và quỹ dự trữ của BIDV (năm 2004 là 7,4%), nằm trong giới hạn 40%/vốn điều lệ và quỹ dự trữ theo Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN. Các khoản đầu tư thương mại đều không vượt quá 11% vốn điều lệ của của đơn vị đầu tư (ngoại trừ các khoản đầu tư đã được chấp thuận của SBV).

Kết quả đầu tư:

Trong năm 2005, các công ty mà BIDV đầu tư đều có mức ROE đạt trên 10%. Năm 2005, BIDV đã mua góp vốn, mua cổ phiếu qua hình thức đấu giá vào một số công ty (như Công ty Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh và Công ty thiết bị bưu điện POSTEF) và nhận được cổ tức trên các khoản đầu tư này. Tỷ lệ cổ tức bình quân năm 2005 là 9,8% (không tính liên doanh bảo hiểm Việt Úc tỷ lệ là 12,7%).

Ngoài ra, bên cạnh cổ tức được chia, nhiều khoản đầu tư của BIDV còn được hưởng thặng dư vốn từ chênh lệch giá cổ phiếu do giá mua cổ phiếu ban đầu. Tính đến cuối năm 2005, giá trị thặng dư vốn từ danh mục đầu tư của BIDV ước khoảng 150 tỷ đồng.

Về mức độ hoàn vốn, năm 2005, tỷ lệ hoàn vốn bình quân là 47%, thấp hơn năm 2004 do gia tăng giá trị đầu tư năm 2005. Một số khoản góp vốn từ các năm trước đã hoàn vốn và bắt đầu có lãi (Ngân hàng liên doanh VID-Public, Ngân hàng cổ phần Nhà Hà Nội) hoặc gần hoàn vốn (Ngân hàng cổ phần Nhà Hồ Chí Minh có tỷ lệ hoàn vốn là 82% nếu không tính thêm phần vốn mới góp năm 2005).

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

BIDV đang thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Năm 2004, với sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn quốc tế, BIDV đã trở thành ngân hàng thương mại Việt Nam đầu tiên thành lập một bộ phận chức năng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro.

BIDV phân loại rủi ro trong hoạt động ngân hàng thành ba loại cơ bản như sau: Rủi ro Tín dụng, Rủi ro Thị trường và Rủi ro Tác nghiệp. Các ngân hàng thương mại tại Việt Nam cũng dần thích nghi với các khái niệm này và từng bước quản lý các loại hình rủi ro này phù hợp với thông lệ quốc tế.

6.2.1. Quản lý rủi ro thanh khoản

BIDV quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc tuân thủ quy định của SBV và quy định của BIDV. Việc quản lý rủi ro thanh khoản đảm bảo cho BIDV có thể đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ thanh toán của toàn hệ thống đến hạn với chi phí hợp lý, đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Hội Sở chính là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý thanh khoản toàn hệ thống thông qua Ban Nguồn vốn kinh doanh tiền tệ trực tiếp thực hiện các giao dịch, đảm bảo quản lý được rủi ro thanh khoản trong phạm vi giới hạn và hạn chế do hội đồng ALCO thiết lập.

Quản lý thanh khoản ngắn hạn được thực hiện căn cứ vào báo cáo độ lệch kỳ hạn, dự đoán các chỉ tiêu chủ yếu trên bảng tổng kết tài sản có ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các giới hạn thích hợp. Quản lý thanh khoản dài hạn được thực hiện bằng việc ngân hàng quy định giới hạn các chỉ số thanh khoản rút ra từ các chỉ tiêu trên bảng tổng kết tài sản và có biện pháp thực hiện mục tiêu đó.

Quản lý thanh khoản bao gồm các biện pháp, kế hoạch thực hiện trong trường hợp thanh khoản bình thường và trong trường hợp mất khả năng thanh toán, thiếu hụt vốn khả dụng.

Theo các báo cáo độ lệch kỳ hạn, dự báo luồng tiền vào ra, Ban Nguồn vốn Kinh doanh Tiền tệ sẽ thực hiện các giao dịch và các khoản đầu tư thích hợp đáp ứng nhu cầu thanh khoản của ngân hàng.

6.2.2. Quản lý rủi ro lãi suất

Chính sách quản lý rủi ro lãi suất của BIDV là giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua quá trình nhận biết, ước tính, theo dõi, kiểm soát rủi ro theo chuẩn mực quốc tế.

Hội Sở chính là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý rủi ro lãi suất toàn hệ thống phù hợp với chiến lược được Hội đồng Quản trị phê duyệt và ALCO chịu trách nhiệm quản lý rủi ro lãi suất và thiết lập các hạn mức, giới hạn lãi suất được thông qua Ban nguồn vốn kinh doanh tiền tệ để duy trì các hạn mức và giới hạn này. Quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp phân tích độ lệch kỳ hạn (gap analysis), hiện nay đang nghiên cứu để triển khai phương pháp giá trị kinh tế vốn (EV).

6.2.3. Quản lý rủi ro tín dụng:

Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, BIDV đã tổ chức lại cơ cấu Ban Tín dụng để tách bạch chức năng chính sách ra khỏi chức năng phê duyệt các khoản vay. Ở cấp hội sở chính, BIDV đã thành lập Khối Tín dụng, Khối Thẩm định Dự án, Khối Quản lý Tín dụng và Khối Quản lý Rủi ro. Ở cấp chi nhánh, có Bộ phận Thẩm định Dự án và Phòng Quản lý Tín dụng.

Ngoài ra, năm 2004 BIDV đã xây dựng và ban hành sổ tay Tín dụng quy định chính sách tín dụng, các quy trình và thủ tục cho vay, phân loại và đánh giá khách hàng, quy định nội bộ liên quan đến quản lý rủi ro được quy định chi tiết. Giấy tờ và chứng từ liên quan đến các hoạt động tín dụng phải được lưu giữ theo quy định.

Công tác phân loại, quản lý và xử lý nợ xấu được thực hiện thường xuyên phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. BIDV đang tăng trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với các quy định đó.

6.2.4. Rủi ro ngoại hối:

BIDV đang hoàn thiện các biện pháp quản lý rủi ro ngoại hối theo hướng:

- + Quản lý trạng thái ngoại hối.
- + Quản lý giá trị chịu rủi ro VAR ngoại hối.
- + Thực hiện các sản phẩm phái sinh ngoại tệ để phòng ngừa rủi ro.

BIDV thiết lập hệ thống hạn mức trạng thái giao dịch ngoại hối đối với từng loại ngoại tệ trong ngày và qua đêm tại Hội sở chính và từng chi nhánh trong hệ thống trong mức độ rủi ro chấp nhận và trong phạm vi trạng thái ngoại hối được ngân hàng nhà nước cho phép. Các hạn mức này được kiểm soát thông qua hệ thống máy tính tự động cập nhật trạng thái phát sinh trong toàn hệ thống.

6.2.5. Rủi ro hoạt động:

BIDV đã triển khai các thủ tục nhằm đảm bảo có được một hệ thống kiểm tra chéo nhằm giảm thiểu rủi ro tác nghiệp có thể phát sinh do các nguyên nhân từ tác nghiệp của cán bộ ngân hàng và sự yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc từ các nhân tố khác phát sinh ngoài tầm kiểm soát của BIDV.

BIDV cũng hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo quản lý thông tin tập trung.

BIDV cũng tích cực xây dựng văn hoá quản lý rủi ro tác nghiệp thông qua công tác tuyển dụng, đào tạo, phân công, bố trí cán bộ trong toàn bộ hệ thống với mục đích giảm thiểu những rủi ro tác nghiệp do cán bộ ngân hàng gây ra.

6.2.6. Quản lý Chất lượng Tài sản

BIDV trích lập dự phòng ngay khi cần thiết, phù hợp với các quy định của SBV. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của BIDV bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

SBV yêu cầu BIDV phải tiến hành phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn, dựa trên tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của nợ.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2005 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493 và theo Công văn số 2695/CV-QLTD1 như sau:

Bảng 13: Chi tiết phân loại nợ

Đơn vị: triệu đồng

| Phân loại | Dự nợ cho vay (*) | Dự phòng cụ thể | Dự phòng chung | Tổng số dự phòng |
|---|--------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 49.977.053 | - | 374.828 | 374.828 |
| Nợ cần chú ý | 17.575.923 | 608.493 | 131.819 | 740.312 |
| Nợ dưới chuẩn | 2.456.301 | 361.370 | 18.422 | 379.792 |
| Nợ nghi ngờ | 1.618.087 | 605.296 | 12.136 | 617.432 |
| Nợ có khả năng mất vốn | 7.711.933 | 5.928.728 | - | 5.928.728 |
| Tổng số | 79.339.297 | 7.503.887 | 537.205 | 8.041.092 |
| Cam kết ngoại bảng được tính dự phòng chung | 16.930.817 | - | 126.981 | 126.981 |
| Tổng số | 96.270.114 | 7.503.887 | 664.186 | 8.168.073 |

(*): số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2005

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005, BIDV chưa trích đủ dự phòng theo yêu cầu của Quyết định 493. Tuy nhiên, Quyết định 493 cho phép BIDV trích lập đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. BIDV đã trình cho SBV và Bộ Tài chính kế hoạch trích lập đầy đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo Quyết định 493 trong 3 năm kể từ năm 2005 đến tháng 12 năm 2007.

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 trước khi xử lý các khoản nợ trong tháng 12 năm 2005 như sau:

Bảng 14: Dự phòng rủi ro tín dụng

Đơn vị: triệu đồng

| Dự phòng rủi ro tín dụng | Dự phòng cụ thể | Dự phòng chung | Tổng số dự phòng |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Theo Quyết định 493 | 7.503.887 | 537.205 | 8.041.092 |
| Số thực tế BIDV đã hạch toán | 3.512.878 | 123.893 | 3.636.771 |
| Số dự phòng chưa hạch toán đủ | 3.991.009 | 413.312 | 4.404.321 |

6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1 Mạng lưới chi nhánh

(xem thông tin chi tiết tại phần III mục 2.2 – Các chi nhánh của ngân hàng)

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng:

a. Mạng lưới khách hàng

Với mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, BIDV có thể cung cấp dịch vụ tới khách hàng ở hầu hết các khu vực trên toàn quốc. Khách hàng của BIDV có thể được phân loại thành hai nhóm: khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân.

- Khách hàng doanh nghiệp: là tổ chức kinh tế, các tổng công ty, các doanh nghiệp vừa và nhỏ...trong các lĩnh vực khác nhau. Đây là đối tượng khách hàng BIDV có kinh nghiệm phục vụ trong rất nhiều năm, có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ.
- Khách hàng cá nhân: là các đối tượng khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế. Hiện tại số lượng khách hàng cá nhân của BIDV là trên 1 triệu khách hàng, mục tiêu trong thời gian tới (2006-2007) BIDV sẽ tăng gấp đôi khối lượng khách hàng cá nhân của mình.

b. Các loại dịch vụ cho khách hàng:

Hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế

BIDV cung cấp cho khách hàng dịch vụ thanh toán với nhiều mạng lưới và thực hiện nhiều liên kết với các ngân hàng khác nhằm giảm thiểu rủi ro thanh toán; cung cấp cho khách hàng dịch vụ lập và xác nhận thư tín dụng và các loại hình tài chính thương mại khác liên quan đến các giao dịch xuất nhập khẩu. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, thu nhập từ phí dịch vụ từ các hoạt động này đạt 151.666 triệu Đồng.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

BIDV cung cấp các hình thức kinh doanh ngoại tệ qua hình thức giao ngay, thoả thuận lãi suất trước, hoán đổi và quyền chọn đối với nhiều đối tác là doanh nghiệp và cá nhân. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, thu nhập thuần của BIDV từ các hoạt động này đạt 44.224 triệu Đồng.

Hoạt động bảo lãnh

BIDV cung cấp các loại bảo lãnh bao gồm bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán theo thư tín dụng, bảo lãnh phát hành, bảo lãnh thanh toán trái phiếu và bảo lãnh đối ứng. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, BIDV thu được khoản phí từ các hoạt động này lên tới 111.529 triệu Đồng.

Hoạt động thẻ

BIDV có trên 100 điểm phát hành thẻ với 3 loại thẻ là etrans365+, Vạn dặm, Power đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Tổng số thẻ phát hành đến 31/12/2005 của BIDV là 300 nghìn thẻ.

Ngân hàng đại lý

BIDV đã giải ngân nguồn vốn ủy thác từ các chương trình Hỗ trợ Phát triển Chính thức của các chính phủ nước ngoài. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2005, tổng dư nợ tín dụng là 3.829.660 triệu Đồng.

Dự án Tài chính Nông thôn

BIDV đã nhận nguồn vốn từ các Dự án Tài chính Nông thôn do WB tài trợ nhằm cho vay lại đối với các định chế tài chính tham gia để cung cấp các khoản cho vay tới các hộ gia đình với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2005, tổng dư nợ đạt 3.007.989 triệu đồng.

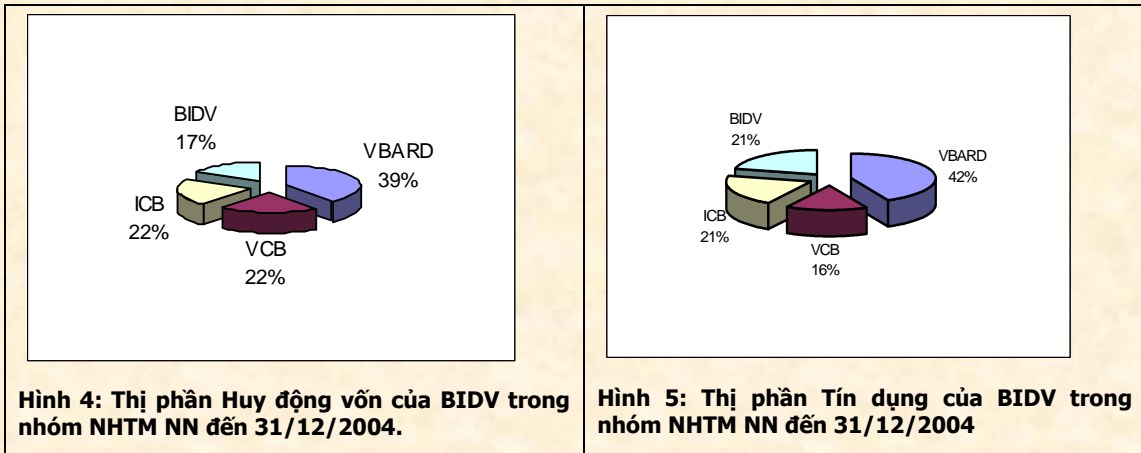
(Chi tiết của các loại hình dịch vụ BIDV xem phần 6.1.1)

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh Thị phần

Bảng 15: Tổng hợp thị phần của các NHTM giai đoạn 2000-2004

Đơn vị: %

| | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 |
|------------------------------|------|------|------|------|------|
| Thị phần huy động vốn | | | | | |
| NHTM Nhà nước | 77,0 | 80,1 | 79,3 | 78,1 | 75,2 |
| NHTM Cổ phần | 11,3 | 9,2 | 10,1 | 11,2 | 13,2 |
| Chi nhánh NH nước ngoài | 9,2 | 8,8 | 8,1 | 7,8 | 8,2 |
| Ngân hàng liên doanh | 1,1 | 1,2 | 1,3 | 1,5 | 1,5 |
| Tổng cộng | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Thị phần tín dụng | | | | | |
| NHTM Nhà nước | 76,7 | 79,0 | 79,9 | 78,6 | 76,9 |
| NHTM Cổ phần | 9,2 | 9,3 | 9,5 | 10,8 | 11,6 |
| Chi nhánh NH nước ngoài | 11,3 | 9,5 | 7,7 | 7,7 | 8,3 |
| Ngân hàng liên doanh | 1,0 | 1,0 | 1,1 | 1,2 | 1,3 |
| Tổng cộng | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tháng 4/2005.

Cạnh tranh

Nhóm các NHTM nhà nước: Dù các ngân hàng này dường như có cùng một chiến lược phát triển thành các NHTM đa năng (universal banks), mỗi ngân hàng đều có những điểm mạnh riêng có và sức cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực: Vietcombank dẫn đầu trong thanh toán quốc tế, dịch vụ thẻ và dồi dào nguồn vốn ngoại tệ. Incombank có quan hệ mật thiết với khách hàng công nghiệp, thương mại, doanh nghiệp vừa và nhỏ đô thị; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi phối thị trường tài chính nông thôn.

Nhóm các ngân hàng ngoài quốc doanh: Hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần đã có năng lực tài chính khá tốt so với quy mô hoạt động của họ. Hệ số an toàn vốn CAR đạt thông lệ quốc tế (8 – 10%). Một số ngân hàng như ACB, Sacombank có sự tham gia góp vốn của ngân hàng nước ngoài: Quản trị doanh nghiệp được cải thiện; Một số sản phẩm dịch vụ của nhóm ngân hàng này được triển khai nhanh chóng, hiệu quả và đón bắt được nhu cầu, tâm lý của khách hàng. Thị phần huy động vốn và tín dụng của nhóm ngân hàng này giai đoạn 2001-2005 đã tăng từ 9% lên trên 13%.

Nhóm các ngân hàng nước ngoài, liên doanh: bắt đầu có sự tăng trưởng khá về vốn huy động và dư nợ tín dụng khi SBV có những đỡ bở về hạn chế huy động vốn VND. Đặc biệt, chất lượng tín dụng của các ngân hàng đều tốt thể hiện ở nợ xấu rất thấp (0,16%). Thế mạnh của nhóm ngân hàng này là chất lượng dịch vụ cao, uy tín toàn cầu, công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế. trình độ quản lý vượt trội, chi phí hoạt động thấp; thị phần tuy nhỏ nhưng hiệu quả và ngày càng lớn dần (thu hút khách hàng tốt của các NHTM Nhà nước).

Khả năng cạnh tranh của các lĩnh vực kinh doanh chính của BIDV so với các đối thủ trên thị trường:

Xin xem phần phân tích tại 8.1 về vị thế của BIDV so với các ngân hàng khác. BIDV cũng đã nghiên cứu, đề ra chiến lược cạnh tranh, các biện pháp để phát huy thế mạnh và khắc phục các điểm yếu của mình trong quá trình hội nhập và phát triển (xem phần 8.3).

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện:

BIDV tham gia vào nhiều dự án với các giai đoạn phát triển khác nhau bao gồm các dự án sau:

Dự án hiện đại hóa giai đoạn 2:

Giai đoạn 2 của dự án hiện đại hóa là dự án trị giá 15 triệu Đô la Mỹ do WB tài trợ nhằm củng cố các hệ thống và phát triển các dịch vụ của BIDV.

Dự án tài chính nông thôn 2:

Dự án 200 triệu USD do WB tài trợ theo đó BIDV được giao nhiệm vụ là cơ quan chủ quản và là chủ dự án (Ngân hàng Bán buôn) để phân bổ các khoản vay cho khu vực nông thôn đến các hộ nghèo. Dự án được phân bổ thành 2 cấu phần:

- Cấu phần Tín dụng với số vốn tương đương 189,7 triệu USD được chia thành 2 tiểu cấu phần: (i) Quỹ Phát triển Nông thôn II (RDF II) có số vốn 165,7 triệu USD, (ii) Quỹ Cho vay Tài chính Vi mô (MLF), 24 triệu USD; và
- Cấu phần Tăng cường Năng lực Thể chế cho các ngân hàng tham gia Dự án có số vốn tương đương 10,3 triệu USD.

Phạm vi cho vay của Dự án được thực hiện trên toàn quốc, trừ khu vực nội thành của 4 thành phố lớn là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, tương tự như Dự án TCNT I, nguồn vốn Quỹ Quay vòng của Dự án TCNT II (được thành lập từ nguồn trả nợ vốn gốc từ các Ngân hàng tham gia Dự án) sẽ tồn tại đến năm 2027 và được tiếp tục cho vay qua các Tổ chức Tín dụng để thực hiện các mục tiêu của Dự án.

Theo dự án này BIDV, thông qua Sở Giao dịch III với vai trò là Ngân hàng Bán buôn của Dự án để cho vay lại đến các Tổ chức Tín dụng được lựa chọn tham gia Dự án.

Các Tổ chức Tín dụng có thể được lựa chọn tham gia bao gồm:

- Ngân hàng Thương mại Quốc doanh;
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần;
- Quỹ Tín dụng Nhân dân; và
- Các Tổ chức Tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam.

Đối tượng - Người vay cuối cùng hợp lệ:

- Cá thể, hộ gia đình;
- Hợp tác xã (đã chuyển đổi theo luật Hợp tác xã mới);
- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở khu vực nông thôn, có tiểu dự án hợp lệ.

Dự án Tháp BIDV:

Dự án Tháp BIDV là dự án xây dựng tòa tháp văn phòng làm việc và thương mại đạt tiêu chuẩn quốc tế hạng A tại Hà Nội dưới hình thức liên doanh với một đối tác khác với tổng số vốn đầu tư ước tính 43 triệu Đô la Mỹ, dự kiến hoàn thành vào tháng 7 năm 2008.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất

7.1.1 Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh:

Bảng 16: Tóm tắt tình hình hoạt động của BIDV trong 2 năm gần nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 | 2005/2004 (%) |
|----------------------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 102.715.949 | 121.403.327 | 118,19% |
| Doanh thu | 2.784.009 | 4.098.343 | 147,21% |
| Thuế và các khoản phải nộp | 210.359 | 180.886 | 85,99% |
| Lợi nhuận trước thuế | 811.532 | 740.879 | 91,29% |
| Lợi nhuận sau thuế | 610.173 | 559.993 | 91,78% |

Bảng 17: Một số chỉ tiêu đánh giá theo tiêu chuẩn IFRS và VAS

| Chỉ tiêu | IFRS | | VAS | |
|--------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | 2004 | 2005 | 2004 | 2005 |
| ROA | 0,04% | 0,11% | 0,64% | 0,50% |
| ROE | 1,25% | 3,70% | 10,44% | 8,81% |
| Lãi cận biên | 2,83% | 3,50% | 2,81% | 3,43% |
| Tỷ lệ An toàn Vốn Tối thiểu (CAR)(1) | 4,29% | 3,36% | 7,53%(1) | 6,86% |

Ghi chú:

(1) Để đảm bảo tính so sánh, hệ số CAR năm 2004 được tính lại theo QĐ 457, Quyết định này có hiệu lực từ tháng 4 năm 2005.

7.1.2 Các chỉ tiêu khác

a. Cơ cấu vốn

Bảng 18: Cơ cấu vốn

Đơn vị: Triệu Đồng

| VỐN VAY | 31/12/2005 (số liệu đã kiểm toán) |
|---|---|
| Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác | 6.225.054 |
| Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 8.752.256 |
| Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác | 1.759.969 |
| Các nguồn vốn vay khác | 8.142.448 |
| Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng | 87.025.709 |
| Trái phiếu đang được chào bán | - |
| Tổng vốn vay | 111.905.436 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | |
| Vốn điều lệ | 3.970.997 |
| Vốn khác | 741.985 |
| Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 50.859 |
| Các quỹ dự trữ | 1.652.057 |
| Lợi nhuận để lại | 114.963 |
| Tổng vốn chủ sở hữu | 6.530.861 |
| Tổng cộng | 118.436.297 |

Thuyết minh:

(1) Tỷ giá hối đoái 1 USD = 15.872 VND được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được sử dụng để chuyển đổi tiền USD thành tiền VND..

Theo chuẩn mực kế toán hiện hành của Việt Nam, vốn chủ sở hữu của BIDV tại thời điểm 31/12/2005 đạt 6.530 tỷ VND tương đương 411 triệu USD, tăng 349 tỷ VND so với năm 2004.

Theo chuẩn mực kế toán hiện hành của Việt Nam, tổng vốn điều lệ và vốn khác của BIDV đạt 4.713 tỷ VND tương đương 296 triệu USD, tăng 278 tỷ VND so với năm 2004. Trong nguồn tăng này thì chủ yếu là nguồn điều chuyển từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (142 tỷ VND) và phần thu sử dụng vốn phải nộp ngân sách được giữ lại (77 tỷ VND) và thu lãi trái phiếu đặc biệt là 44,5 tỷ VND. Các quỹ cũng tiếp tục có sự tăng ổn định, đặc biệt là Các quỹ dự trữ tăng từ 1.469 tỷ VND năm 2004 lên 1.652 tỷ VND vào 31/12/2005 đưa tổng các quỹ tăng đạt 1.703 tỷ VND (năm 2004 là 1.517 tỷ VND). Theo đó đưa Vốn cấp 1 của BIDV đạt 6.182 tỷ VND vào thời điểm 31/12/2005. Tỷ lệ vốn cấp 1 theo BIS của BIDV đạt 6,7%.

Vốn cấp 2 của BIDV tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2005 chỉ bao gồm dự phòng chung là 124 tỷ VND. Vốn cấp 2 của BIDV sẽ tăng lên đáng kể nếu BIDV thực hiện đánh giá lại tài sản cố định và các chứng khoán đầu tư.

Sau khi giảm trừ các khoản phải khấu trừ khỏi vốn tự có (góp vốn cổ phần trong năm); Tổng vốn tự có của BIDV là 6.270 tỷ VND và CAR đạt 6,8% (năm 2004 là 6,84%).

Bảng 19: Cơ cấu vốn tự có của BIDV

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2004 | 2005 |
|--------------------------------|------------------|------------------|
| Vốn cấp I | 5.736.831 | 6.182.388 |
| Vốn cấp II | | 123.893 |
| Khoản loại trừ | 20.739 | 36.430 |
| Tổng vốn tự có tính CAR | 5.736.831 | 6.269.851 |

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế, lợi nhuận lũy kế của BIDV hiện nay vẫn âm 3.197 tỷ VND (năm 2004 là âm 2.772 tỷ VND). Nguyên nhân chủ yếu là BIDV thực hiện trích dự phòng cao nên kết quả chênh lệch thu chi thấp trong khi BIDV vẫn trích lập chi các quỹ theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam. Vì vậy, hệ số CAR theo chuẩn mực kế toán quốc tế chỉ đạt mức 3,2%. Chỉ số CAR theo cả hai chuẩn mực đều thấp hơn so với năm 2004 là do tốc độ tăng vốn của BIDV trong năm 2005 là thấp hơn so với tốc độ tăng tài sản có.

Như vậy, vấn đề về vốn của BIDV chủ yếu nằm ở hai điểm (i) BIDV đang phải trích nhiều dự phòng theo chuẩn mực quốc tế (ii) Tỷ lệ vốn cấp 1 là khá tốt nhưng tỷ lệ vốn cấp 2 là thấp.

Để thực hiện mục tiêu đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% như yêu cầu, BIDV đang đề ra kế hoạch tập trung tăng năng lực tài chính, bao gồm phương án trích lập dự phòng trong 2 năm 2006 và 2007 và tăng vốn từ nay đến 2010, trong đó, các biện pháp để tăng vốn được đưa ra là kết hợp tăng cả vốn cấp I và vốn cấp II. Bên cạnh các biện pháp tăng vốn từ các nguồn khác nhau bao gồm nguồn vốn bổ sung của Chính phủ và phát hành trái phiếu tăng vốn thì BIDV cũng đang tính tới nguồn từ định giá lại tài sản.

b. Chất lượng tài sản

Tính đến 31/12/2005, tổng tài sản theo chuẩn mực kế toán Việt Nam đạt 121.403 tỷ VND (7,65 tỷ USD), tăng 18,3% so với năm 2004.

Trong tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2005, tổng cung thanh khoản (gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ, tiền gửi tại SBV và các tổ chức tín dụng, chứng khoán và các tài sản kinh doanh khác) chiếm tỷ trọng 29,10% trên tổng tài sản (năm 2004 đạt 20,46%).

Tổng dư nợ cho vay và ứng trước khách hàng ròng chiếm 68,13% (năm 2004: 68,36%). Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác đạt 16.841 tỷ VND, chiếm 13,87% và tăng 2.629 tỷ VND so với năm 2004. Đầu tư chứng khoán đạt 11.951 tỷ VND chiếm 9,8%, tăng 2.639 tỷ VND so với năm trước và tập trung chủ yếu vào đầu tư trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc Nhà nước. Tỷ trọng Tài sản Có sinh lời trên tổng tài sản đạt 88,63%.

c. Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của BIDV được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 20: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của BIDV

ĐV: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2004 | 2005 |
|--|-------------|-------------|
| 1. Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh | 2.784.009 | 4.098.343 |
| 2. Chi phí QLKD | (850.804) | (1.325.777) |
| 3. Chênh lệch thu - chi trước DPRR | 1.933.205 | 2.772.566 |
| 4. DPRR | (1.121.673) | (2.031.687) |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | 811.532 | 740.879 |
| 6. Lợi nhuận thuần trong năm | 610.173 | 559.993 |
| 7. Lợi nhuận để lại cuối năm | 229.607 | 114.963 |
| 8. ROA (%) | 0,64 | 0,50 |
| 9. ROE (%) | 10,44 | 8,81 |
| 10. Lãi cận biên ròng (%) | 2,81 | 3,43 |
| 11. Chênh lệch lãi suất bình quân (%) | 2,42 | 3,16 |

Chênh lệch thu – chi trước dự phòng rủi ro của BIDV liên tục tăng qua các năm. Năm 2005 đạt 2.772 tỷ đồng, tăng trưởng 43% so với 2004 (năm 2004 là 1.938 tỷ đồng).

Năm 2005, nguồn thu nhập chủ yếu của BIDV vẫn là thu lãi từ hoạt động tín dụng, tiền gửi, đầu tư giấy tờ có giá (chiếm 71% trên tổng thu nhập thuần). Song đầu tư chứng khoán đạt 600 tỷ, tăng 9% so với 2004 (năm 2004 là 550 tỷ) và thu dịch vụ đạt 291 tỷ tăng 22% so với 2004 (năm 2004 là 239 tỷ đồng). Đồng thời với tăng trưởng của các hoạt động, cơ cấu thu nhập của BIDV có bước dịch chuyển tích cực, giảm tỷ trọng hoạt động tín dụng, tăng tỷ trọng hoạt động dịch vụ. Năm 2005 tỷ trọng thu từ lãi chiếm 71% (trong đó đầu tư chứng khoán là 29%), thu dịch vụ chiếm 16%, hoạt động tài chính chiếm 1% và thu từ các hoạt động khác chiếm 12%.

Năm 2005, mặc dù chênh lệch thu chi trước dự phòng rủi ro tăng tới 43% so với 2004, nhưng lợi nhuận lại giảm 9% do số trích dự phòng rủi ro thực hiện trong năm 2005 là rất lớn. Nguyên nhân chính là do năm 2005 là năm đầu tiên thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quyết định mới, theo đó việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro được hướng tới thông lệ quốc tế. Để nâng năng lực tài chính ưu tiên trích lập dự phòng nên chi phí dự phòng chiếm 73% chênh lệch thu chi trước DPRR của năm 2005 và đạt 2.031.687 triệu VND.

ROA bình quân của BIDV ở mức thấp, năm 2005 tỷ lệ này là 0,5%, không tăng so với năm 2004 do tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng của tài sản cả về mặt tuyệt đối lẫn tương đối. Tuy nhiên so với các năm 2002, 2003 tỷ lệ này đã có sự thay đổi.

ROE bình quân có sự cải thiện qua các năm. Chỉ số này đạt 7,8% vào năm 2003; 10,44% năm 2004 và 8,81% vào năm 2005. Chỉ số ROE của BIDV duy trì ở mức hơn 8%/năm. BIDV đang nỗ lực nhằm cải thiện các chỉ số này trong những năm tới tiến dần đến thông lệ quốc tế.

Để đánh giá khả năng sinh lời của BIDV, có thể xem xét đến chỉ tiêu lãi cận biên ròng. Hệ số này cho biết khả năng sinh lời của BIDV trên tổng tài sản hiện có. Năm 2005 tỷ lệ này là 3,43%.

Hiện tại BIDV đang nỗ lực để tìm kiếm các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính đồng thời cải thiện các chỉ số sinh lời nhằm mục đích đạt được mục tiêu chiến lược đến năm 2010 chỉ số ROA đạt trên 1%, chỉ số ROE đạt từ 12 – 15% tiến đến thông lệ quốc tế.

d. Khả năng thanh khoản

Trong việc thực hiện chính sách quản lý thanh khoản, BIDV luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định về an toàn thanh khoản của SBV, Hội đồng quản trị. Hiện nay, BIDV quản lý thanh khoản hàng ngày, dựa trên chiến lược đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, các hạn mức và giới hạn thanh khoản được Ban lãnh đạo thông qua. Quản lý thanh khoản ngắn hạn được thực hiện căn cứ vào báo cáo độ lệch kỳ hạn thanh khoản (cung thanh khoản - trừ cầu thanh khoản), dự đoán các khoản mục trên bảng tổng kết tài sản, từ đó đưa ra quyết định thích hợp. Quản lý thanh khoản dài hạn được thực hiện thông qua quy định giới hạn các chỉ số thanh khoản rút ra từ bảng tổng kết tài sản và có biện pháp thực hiện mục tiêu đó.

Để đề phòng các tình trạng khủng hoảng, BIDV mô phỏng các tình huống xảy ra khủng hoảng thanh khoản. Các mô phỏng này dựa trên giả định về xu hướng biến động của các khoản mục tài sản nợ, tài sản có khi có tình huống bất lợi xảy ra. Tùy theo mức độ nghiêm trọng của khủng hoảng thanh khoản, BIDV sẽ có biện pháp thích hợp để đối phó với khủng hoảng thanh khoản và thường xuyên tập huấn các biện pháp đối phó khủng hoảng thanh khoản.

Tỷ lệ dự trữ trên tổng nguồn vốn huy động bình quân năm 2005 đạt 30%. BIDV đã duy trì tỷ lệ dự trữ tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn trên tổng nguồn vốn huy động ở mức 7% năm 2005 nhằm tăng khả năng sinh lời và duy trì ở mức hợp lý theo thông lệ, đảm bảo khả năng sẵn sàng thanh toán khi khách hàng có nhu cầu. Đồng thời, BIDV cũng duy trì tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn và giấy tờ có giá thanh khoản trên tổng nguồn vốn huy động ở mức bình quân 23%.

Về cơ cấu huy động vốn và cho vay: Tiền gửi các tổ chức kinh tế đạt 43.095 tỷ VND, tiền gửi của dân cư đạt 43.931 tỷ VND (năm 2004 hai chỉ số này lần lượt là 31.548 tỷ VND và 35.714 tỷ VND). Tiền gửi tiếp tục tăng nhanh trong năm 2005 là do BIDV rất năng động, sáng tạo trong việc chọn các giải pháp phát triển sản phẩm và cung ứng các dịch vụ mang tính cạnh tranh cao, huy động tiền gửi linh hoạt, hấp dẫn và phù hợp với nhu cầu gửi tiền đa dạng của nền kinh tế: tiết kiệm dự thưởng; tiết kiệm "Ổ trứng vàng"; tiết kiệm bậc thang; phát hành chứng chỉ tiền gửi dài hạn; thực hiện cung ứng các dịch vụ quản lý tiền tự động như Smart@ccount, dịch vụ Home banking....

Để tăng tính ổn định của nguồn vốn huy động và giảm thiểu rủi ro kỳ hạn, BIDV duy trì tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn ở mức cao. Năm 2005, tỷ trọng tiền gửi trung dài hạn đạt 48% tổng tiền gửi khách hàng.

Cùng với việc tăng huy động tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn dài, BIDV cũng thực hiện việc giảm tỷ trọng cho vay trung dài hạn, tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn. Tỷ trọng cho vay ngắn hạn ước tính chiếm 60% tổng cho vay thương mại, cho vay trung dài hạn chỉ chiếm 40%.

BIDV cũng đầu tư vào trái phiếu chính phủ, nâng tỷ trọng đầu tư năm 2005 thêm 1% so với 2004, đạt 7% trên tổng tài sản. Tài sản này tạo nguồn dự trữ thứ cấp, đáp ứng nhu cầu thanh khoản toàn ngành, cơ cấu lại tài sản có sinh lời theo hướng tích cực, tăng hiệu quả trong đầu tư kinh doanh, đảm bảo an toàn thanh khoản, đồng thời đem lại hiệu quả trong kinh doanh.

7.1.3 Tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty trực thuộc và công ty liên doanh

Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Doanh thu của BSC trong năm 2005 đạt 63,3 tỷ VND, gấp 2,5 lần so với năm 2004. Việc gia tăng của những nguồn thu này chủ yếu là do tăng thu từ thu phí tư vấn (tăng 94%), thu tự doanh (tăng 275%) và thu bảo lãnh, đại lý phát hành (tăng 130%).

Số tài khoản khách hàng mở tại Công ty đến hết ngày 31/12/2005 đạt 3.748 tài khoản, tăng 34% so với năm 2004.

Về dịch vụ tư vấn, công ty thực hiện được 156 hợp đồng tư vấn các loại. Thu phí tư vấn có sự tăng trưởng gấp gần 2 lần so với kết quả thực hiện trong năm 2004 và vượt 19% kế hoạch năm.

Năm 2005, tổng thu phí của BSC tăng 130% so với năm 2004.

Cùng với việc tăng doanh thu và quản lý tốt chi phí, hiệu quả kinh doanh của công ty đã đạt được kết quả khả quan với lợi nhuận trước thuế tăng 55% so với năm 2004, ROE đạt 9,48%.

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2004 | 2005 |
|--------------------|-------------|-------------|
| Tổng thu nhập | 25.912 | 63.288 |
| Thu nhập bình quân | 25.890 | 63.286 |
| ROE | 6,78% | 9,48% |

Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BLC)

Năm 2005 là năm BLC tập trung vào cơ cấu lại dư nợ cho thuê và tập trung nâng cao năng lực tài chính, lành mạnh bảng tổng kết tài sản, chuẩn bị cho lộ trình cổ phần hoá toàn hệ thống BIDV. Tính đến 31/12/2005, tổng tài sản của công ty đạt 910 tỷ VND, dư nợ cho thuê đạt 887 tỷ VND, tăng 18% so với năm 2004.

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2004 | 2005 |
|---------------------------------------|-------------|-------------|
| Dư nợ cho thuê tài chính | 750 | 887 |
| Tỷ lệ nợ xấu (%) | 2,2% | 9% |
| Quỹ dự phòng rủi ro | 4,9 | 15,8 |
| Lợi nhuận trước trích dự phòng rủi ro | 14,8 | 17,2 |

Mặc dù tỷ lệ nợ xấu và lãi treo tăng sau khi thực hiện phân loại nợ mới theo QĐ493/2005/QĐ-NHNN, trong điều kiện tập trung trích lập dự phòng rủi ro, công ty luôn cố gắng duy trì kết quả kinh doanh có lãi và đạt chênh lệch thu chi trước khi trích dự phòng rủi ro là 17,2 tỷ VND, tăng 16% so với năm 2004.

Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BLC II)

Tổng tài sản năm 2005 của Công ty cho thuê tài chính II đạt 413 tỷ VND, dư nợ cho thuê đạt 425 tỷ VND, tăng 38% so với năm 2004, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận và trích lập dự phòng rủi ro đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng tài sản | | 413 |
| Dư nợ cho thuê tài chính ròng | 308 | 425 |
| Quỹ dự phòng rủi ro | 5 | 17 |
| Lợi nhuận trước trích DPRR | 8,8 | 18,5 |

(Số liệu năm 2004 là số liệu của chi nhánh HCM khi chưa tách khỏi hội sở chính của công ty cho thuê tài chính)

Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC)

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Dư nợ tiếp nhận, trong đó | 32.080 | 72.057 |
| Luỹ kế dư nợ tiếp nhận | 167.440 | 239.500 |
| Thu nợ, trong đó: | 9.370 | 11.540 |
| Luỹ kế thu nợ | 20.478 | 34.136 |
| Lợi nhuận trước thuế | 780 | 682 |

Trong năm 2005, công ty đã tiếp nhận tổng số nợ tồn đọng là 72.057 triệu VND, tăng gấp hơn 2 lần năm 2004, nâng tổng số nợ tồn đọng tiếp nhận luỹ kế từ năm 2002 đến nay là gần 240 tỷ VND. Riêng năm 2005, Công ty đã thu hồi được 11.540 triệu VND, tăng hơn 23% so với năm 2004, nâng tổng số nợ tồn đọng thu hồi

được lũy kế từ 2002 đến nay là 34.136 triệu VND. Ngoài việc thu hồi nợ, trong năm 2005 công ty đã bước đầu tiến hành khai thác tài sản thu hồi dưới hình thức cho thuê và thu được phí đáng kể.

Mặc dù Công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhưng năm 2005 công ty đã đạt mức chênh lệch thu chi tài chính là 682 triệu VND, tổng tài sản đạt 44 tỷ VND.

Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)

Năm 2005, doanh thu phí bảo hiểm đạt 46 tỷ VND tăng 82% so với năm 2004. Tăng trưởng thể hiện trên hầu hết các sản phẩm bảo hiểm trong đó đáng kể nhất là bảo hiểm tài sản và thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm với tốc độ tăng trưởng đạt trên 90%. Tỷ lệ bồi thường trên trách nhiệm giữ lại vẫn được kiểm soát tốt, duy trì ở mức bình quân của thị trường.

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|--------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 98.924 | 114.528 |
| Vốn Chủ sở hữu ròng | 74.814 | 71.352 |
| Dự phòng nghiệp vụ | 15.178 | 34.092 |
| Tổng doanh thu khai thác | 25.347 | 46.538 |

Ngân hàng Liên doanh VID Public Bank (VPB)

Năm 2005, VID Public Bank đã tăng trưởng tất cả các chỉ tiêu cơ bản của ngân hàng như tổng tài sản, huy động vốn, dư nợ tín dụng và lợi nhuận trước thuế đều tăng trưởng cao so với năm 2004

Đơn vị: triệu USD

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|----------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 140 | 155 |
| Huy động vốn | 106 | 128 |
| Dư nợ | 47 | 65 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1,7 | 2,8 |

Nguồn vốn huy động tăng trưởng đặc biệt là tiền gửi từ các tổ chức kinh tế và cá nhân phản ánh nỗ lực của VID trong việc huy động vốn. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cao trong khi chất lượng tín dụng vẫn được duy trì tốt, không có nợ xấu. Với định hướng là ngân hàng bán lẻ, cho vay tiêu dùng là 1 thế mạnh của ngân hàng với 2 sản phẩm chính là cho vay mua nhà và mua ô tô, có tốc độ tăng trưởng trong năm là 79%. Ngân hàng cũng đang nghiên cứu triển khai 1 số sản phẩm mới như cho vay du học, cho vay sửa chữa, xây nhà...

Lợi nhuận trước thuế năm 2005 đạt 2.839.584 USD, tăng 61% so với năm 2004. Các chỉ tiêu ROA và ROE đạt lần lượt là 1,32% và 7,95%.

Song song với hoạt động kinh doanh, VID tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động và dự kiến sẽ khai trương chi nhánh Chợ Lớn tại TP Hồ Chí Minh tháng 6/2006.

Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB)

Đến cuối năm 2005, vốn điều lệ của LVB đã tăng từ 10 triệu Đôla Mỹ lên 15 triệu Đôla Mỹ

Đơn vị: Triệu USD

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|----------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 85 | 97 |
| Nguồn vốn huy động | 69 | 80 |
| Tổng dư nợ | 46 | 54 |
| Dự phòng rủi ro | 1,3 | 2,3 |
| Lợi nhuận trước thuế | 0,6 | 0,7 |

Năm 2005 cũng là năm hoạt động khá thành công của LVB với tất cả các chi nhánh đều kinh doanh có lãi. Tổng tài sản của toàn hệ thống đạt 97 triệu USD, tăng 14% so với năm 2004; dư nợ tín dụng đạt 53,6 triệu USD,

tăng 16,5% so với năm 2004; huy động vốn (không kể vốn vay, tiền gửi BIDV) đạt 70,2 triệu USD, tăng 63% so với năm 2004. ROA đạt 0,76%, ROE đạt xấp xỉ 7%.

Công ty Liên doanh Quản lý đầu tư BIDV- Vietnam Partners (BVIM)

Ngày 10 tháng 01 năm 2006, BVIM chính thức khai trương tại Hà Nội. Đây là liên doanh đầu tiên giữa một định chế tài chính lớn của Việt Nam và một nhóm các nhà đầu tư của Mỹ. BVIM dự kiến sẽ huy động khoảng 300 triệu USD trong vòng 3 năm tới thông qua các quỹ và các kênh đầu tư khác nhau để tham gia vào quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước chủ chốt và các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng trong các lĩnh vực tăng trưởng. BVIM là một công ty liên doanh mà tỷ lệ góp vốn pháp định giữa BIDV và nhà đầu tư nước ngoài là 50:50 được Bộ tài chính cấp phép đặc biệt.

Công ty Liên doanh Tháp Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (CTLD Tháp BIDV)

Tháng 11 năm 2005, Công ty Liên doanh Tháp BIDV đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép hoạt động chính thức. Đây là một liên doanh giữa BIDV và Bloomhil Holdings PTE, Singapore với mục tiêu và phạm vi hoạt động là xây dựng, vận hành, quản lý tổ hợp văn phòng làm việc, khu thương mại – kinh doanh ("Toà tháp thông minh") đạt tiêu chuẩn hạng A quốc tế với 30.000m2 xây dựng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BIDV trong năm 2005

7.2.1. Những nhân tố thuận lợi

a. Những nhân tố khách quan:

Thế giới năm 2005 vẫn đang phải đối đầu với những khó khăn: những bất ổn về chính trị tại nhiều khu vực, thiên tai xảy ra nhiều nơi trên thế giới, dịch cúm gia cầm đe dọa nhiều nước khu vực châu Á, những biến động bất thường của giá cả hàng hoá... Những yếu tố này có tác động mạnh mẽ đến tình hình phát triển kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việt Nam trong năm qua cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của dịch cúm gia cầm, giá cả leo thang và hàng loạt cơn bão đổ bộ vào lãnh thổ. Tuy nhiên, tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2005 vẫn đạt được mức tăng trưởng bền vững tiếp tục tạo được niềm tin từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Kinh tế xã hội tăng trưởng ở mức khá

Năm 2005, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định, tốc độ tăng GDP năm qua đạt 8,4% - mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 9 năm qua; trong đó đóng góp của công nghiệp và xây dựng là 4,2%; dịch vụ 3,4% và nông nghiệp là 0,8%.

| Chỉ tiêu | Năm 2004 | Năm 2005 |
|--|-----------------|-----------------|
| Tốc độ tăng trưởng GDP | 7,7% | 8,4% |
| Tốc độ tăng giá trị các ngành dịch vụ | 8% | 8,5% |
| Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp | 4,9% | 4% |
| Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp | 15,6% | 10,6% |
| Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu | 31,4% | 21,6% |
| Chỉ số giá tiêu dùng | 9,5% | 8,4% |
| Số lượt khách quốc tế | 2,9 triệu | 3,4 triệu |

(Nguồn: Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp Quốc hội thứ 8, khoá XI)

Nhìn chung cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: GDP công nghiệp và xây dựng tăng 10,6%, trong đó công nghiệp chế biến tăng 13,1%; khu vực dịch vụ tăng trưởng 8,5%, cao hơn hẳn năm trước. Sự tăng trưởng nhanh của hai khu vực công nghiệp và dịch vụ đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân theo chiều hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Riêng GDP nông nghiệp tăng 4%, thấp hơn so với dự kiến do ảnh hưởng trực tiếp của dịch cúm gia cầm và bão lũ. Trong năm 2005, chính phủ đã có chỉ đạo đúng đắn trong việc cải cách hệ thống doanh nghiệp Nhà nước, thúc đẩy quá trình cổ phần hoá nhằm tăng hiệu quả cho khối này cũng như khuyến khích nguồn lực từ các thành phần kinh tế. Song song với quá trình cải cách doanh nghiệp, Việt Nam cũng tập trung xây dựng hành lang pháp lý thông thoáng hơn như việc xây dựng và ban hành Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp mới, đổi mới cơ chế quản lý hành chính tại địa phương và trung ương, nỗ lực xây dựng chính phủ điện tử...

Kinh tế đối ngoại ngày càng hội nhập với thị trường kinh tế quốc tế

Kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt trên 32 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2004 và tăng gấp đôi so với năm 2000. Điểm nổi bật của hoạt động xuất khẩu là khối lượng và giá xuất khẩu của các mặt hàng chủ lực đều tăng ở mức trên dưới 10%. Một số mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng như: gạo đạt trên 5,2 triệu tấn thu về gần 1,4 tỷ USD (tăng 46% so với 2004); cao su tăng gần 32%; hàng điện tử, linh kiện máy tính đạt gần 1,5 tỷ

USD, tăng 34%. Trong tổng số 20 mặt hàng xuất khẩu chính, ngoài dầu thô có kim ngạch trên 7 tỷ USD còn có thêm 6 mặt hàng khác có kim ngạch trên 1 tỷ USD là dệt may, thủy sản, giày dép, hàng điện tử - linh kiện máy tính, sản phẩm gỗ và gạo. Cơ cấu này thể hiện xu hướng xuất khẩu theo hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định. Đáng chú ý là chất lượng hàng xuất khẩu từng bước được nâng lên, năng lực cạnh tranh được cải thiện. Các mặt hàng gạo, cà phê tiếp tục duy trì thứ 2 trên thế giới, hạt tiêu đứng đầu thế giới, hạt điều đứng thứ 3 thế giới...

Cùng với xuất khẩu, trong năm 2005 dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng có sự tăng trưởng ngoạn mục. Tính chung cả vốn đăng ký của các dự án mới và tăng vốn trong năm 2005 đã thu hút được 5,835 tỷ USD, tăng 45,2% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng cao nhất trong vòng 8 năm gần đây. Bên cạnh đó, nguồn tài trợ chính thức phát triển (ODA) cam kết cũng đạt được mức kỷ lục trong suốt 10 năm qua với 3,74 tỷ USD. Điều đó thể hiện sự ủng hộ của các nhà tài trợ với định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006 – 2010 của Chính phủ Việt Nam, tiếp tục khẳng định Việt Nam là điểm đến đầu tư an toàn, hấp dẫn.

Trong năm 2005, các hoạt động đối ngoại đã hỗ trợ thiết thực và hiệu quả cho phát triển kinh tế và công tác hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam đã tích cực đóng góp vào các hoạt động ngoại giao đa phương tại các Hội nghị thượng đỉnh APEC 13, ASEAN 11, Hội nghị Á – Phi lần thứ 2... Trong nỗ lực gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, đến nay Việt Nam đã kết thúc đàm phán với hầu hết các đối tác chỉ còn lại một số ít quốc gia trong đó có Mỹ. Tuy nhiên đã có nhiều tín hiệu khả quan trong quá trình đàm phán song phương Việt Mỹ và có nhiều dự báo Việt Nam sẽ sớm gia nhập tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu này trong năm 2006.

Thị trường tài chính tiền tệ có bước phát triển vững chắc

Nhìn chung thị trường tài chính Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng tốt và đang ngày càng hội nhập với thị trường tài chính quốc tế. Các định chế tài chính ngày càng nâng cao vai trò trung gian tài chính trong nền kinh tế. Nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển khá và đa dạng cơ bản đáp ứng chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Thực hiện vốn đầu tư phát triển năm 2005 theo giá thực tế đạt 324.000 tỷ VND, tăng 8% so với kế hoạch. Tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 23%, tổng dư nợ tăng khoảng 19% so với năm 2004. Thị trường chứng khoán có những bước tiến mới và dần trở thành kênh huy động vốn quan trọng, trong năm 2005 chỉ số VNIndex tăng 30% sau một thời gian dài kém hấp dẫn.

Trong năm 2005, mức xếp hạng tín nhiệm ngoại tệ dài hạn của Việt Nam đã được Standard & Poor's nâng lên từ B+ lên BB-, triển vọng phát triển cũng từ mức "ổn định" sang "tích cực". Chỉ số này cũng được Moody's nâng từ mức B1 lên Ba3 vào tháng 7/2005, phản ánh những điều kiện thuận lợi cho việc đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững và một vị thế đối ngoại khá mạnh. Trong năm qua, lần đầu tiên Việt Nam phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường quốc tế với tỷ lệ đặt mua của các nhà đầu tư quốc tế cao gấp 6 lần khối lượng dự định chào bán. So với năm 2002, dự trữ ngoại hối chính thức theo USD tăng hơn gấp đôi, cán cân thanh toán có triển vọng khả quan trong điều kiện giá dầu thế giới cao, các khoản tiền chuyển vào trong nước ổn định. Các luồng đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh và nguồn trợ giúp lớn với chi phí thấp từ các chủ nợ chính thức.

Hoạt động ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh mẽ về các dịch vụ tiện ích ngân hàng nhất là sử dụng thẻ thanh toán, mở tài khoản cá nhân nhằm giảm bớt giao dịch tiền mặt trong lưu thông. Số lượng thẻ phát hành ở Việt Nam trong năm qua tăng 300% so với năm trước cũng phản ánh xu hướng này. Tỷ lệ tiền mặt đã giảm từ mức xấp xỉ 24% - 25% xuống còn 21% trong năm 2005. Lĩnh vực ngân hàng ngày càng thu hút sự chú ý của giới đầu tư quốc tế, có sự tham gia ngày càng sâu và rộng của các định chế nước ngoài. Khối Ngân hàng thương mại cổ phần có sự lớn mạnh đáng kể trên tất cả các lĩnh vực như năng lực tài chính, mạng lưới, số lượng và chất lượng dịch vụ cung cấp. Trong khi đó, các Ngân hàng thương mại quốc doanh cũng đang tích cực chuẩn bị cho quá trình cổ phần hoá hướng tới mục tiêu trở thành các ngân hàng thương mại đa năng tiên tiến, hiện đại.

b. Những nhân tố chủ quan

- **BIDV đã xác định rõ Chiến lược giai đoạn 2005-2010:** Xây dựng BIDV trở thành một Ngân hàng thương mại đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực, hoạt động hướng theo thông lệ quốc tế, ngang tầm các ngân hàng khu vực Đông Nam Á ; từng bước chuẩn bị triển khai với những mục tiêu và bước đi cụ thể :
 - + Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện lành mạnh hoá và nâng cao năng lực tài chính, cơ cấu lại TSN-TSC, đổi mới trong quản trị điều hành... trên cơ sở tổng kết đánh giá kết quả 5 năm thực hiện đề án tái cơ cấu BIDV.
 - + Khởi động chương trình cổ phần hoá và tích cực chuẩn bị các điều kiện cho lộ trình CPH.
 - + Thực hiện giai đoạn II dự án tư vấn hỗ trợ kỹ thuật (TAII) với mục tiêu tư vấn xây dựng và hoàn thiện mô hình kinh doanh tiếp cận thông lệ quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo an toàn hệ thống.
- **Gây dựng uy tín thương hiệu:**
 - + Là ngân hàng thương mại Việt nam đầu tiên đăng ký thành công thương hiệu tại thị trường Hoa kỳ.
 - + Liên tục thực hiện kiểm toán theo cả tiêu chuẩn IAS và VAS trong nhiều năm.

- + Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác lớn, các TCT mạnh thông qua các thoả thuận hợp tác toàn diện, các thoả thuận về quản lý vốn đầu tư và cung ứng dịch vụ tài chính...
- **Lựa chọn các giải pháp đúng đắn và điều hành kiên quyết:** đặc biệt đối với việc phân loại dư nợ và trích lập dự phòng rủi ro; đảm bảo tính minh bạch, chính xác về chất lượng tín dụng tại mọi thời điểm.

Bên cạnh việc tập trung phân loại, trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu, các phương án, giải pháp để tăng năng lực tài chính (Tận thu nợ xấu, giảm thiểu tối đa nợ xấu phát sinh, tăng cường hiệu quả hoạt động các mặt nghiệp vụ, tăng cường quản lý tài chính...) cũng đã được tập trung nghiên cứu xây dựng và triển khai đảm bảo đạt mục tiêu hệ số an toàn vốn trước khi cổ phần hoá.

7.2.2. Những nhân tố khó khăn

a. Nhân tố khách quan

Bên cạnh các nhân tố tích cực nêu trên, trong năm 2005 nền kinh tế cũng xuất hiện một số nhân tố khó khăn gây ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại:

- Trong năm 2005, Quỹ dự trữ liên bang Mỹ nhiều lần quyết định tăng lãi suất USD đã có ảnh hưởng đáng kể đến lãi xuất trên thị trường tiền tệ trong nước; lãi suất có xu hướng tăng cao đối với cả nội và ngoại tệ
- Diễn biến giá dầu quốc tế tăng nhanh đã trực tiếp ảnh hưởng xấu đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, làm giảm thêm khả năng cạnh tranh của các DN nói chung và nền kinh tế nói riêng từ đó có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của các NHTM
- Áp lực hội nhập kinh tế khu vực và thế giới đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế nói chung và đối với ngành tài chính ngân hàng nói riêng diễn ra mạnh mẽ vừa tạo cơ hội tốt đồng thời cũng gây ra không ít thách thức khó khăn. Sự mở rộng hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại kéo theo áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các ngân hàng.

b. Nhân tố chủ quan

- Mặc dù đã có nhiều điều chỉnh nhưng nền tảng khách hàng của BIDV hiện vẫn còn những yếu tố chưa hợp lý dẫn tới chất lượng tín dụng và hiệu quả thu được từ hoạt động chưa cao.
- Cơ cấu lợi nhuận, cơ cấu Tài sản nợ, Tài sản có đã và đang được điều chỉnh song chậm thay đổi và chưa hợp lý.
- Hệ thống thông tin quản lý chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị điều hành.
- Cơ chế quản trị rủi ro đã được xác lập song hiệu quả hoạt động còn hạn chế

8. Vị thế của BIDV so với các ngân hàng khác

8.1 Vị thế của BIDV

- BIDV có một mạng lưới rộng khắp toàn quốc với 79 chi nhánh cấp 1, 3 sở giao dịch và 62 chi nhánh cấp 2 tính đến cuối năm 2005. Hệ thống công nghệ thông tin của BIDV đã được hiện đại hoá tại tất cả các chi nhánh, tạo điều kiện triển khai đồng bộ, hiệu quả các sản phẩm dịch vụ mới trên phạm vi toàn quốc. BIDV có lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực tín dụng trung và dài hạn, có thế mạnh trong việc tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do kinh nghiệm về quản lý vốn đầu tư trước đây. Hiện BIDV đang chọn lọc đầu tư trung dài hạn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- BIDV là một trong những ngân hàng kinh doanh ngoại tệ có hiệu quả và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư (đầu tư vào các công ty thành viên, công ty liên doanh và đầu tư tài chính).
- Là một trong những ngân hàng có mạng lưới chi nhánh lớn nhất, BIDV có nguồn huy động vốn tương đối ổn định, cơ cấu hợp lý. Hoạt động huy động vốn của BIDV là một trong những hoạt động đạt hiệu quả cao.
- BIDV có kinh nghiệm trong vai trò ngân hàng đại lý, bán buôn, uỷ thác đầu tư cho nước ngoài, bán buôn (dự án tài chính nông thôn của WB).
- BIDV là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được SBV cấp phép để phát triển các sản phẩm phái sinh như quyền chọn giữa ngoại tệ và ngoại tệ (foreign currency option), quyền chọn giữa ngoại tệ và VND (foreign currency and VND option), sản phẩm tiền gửi cơ cấu (dual currency deposit).
- BIDV cũng là ngân hàng hàng đầu của Việt Nam trong việc quản lý tài sản (asset management). BIDV đang thực hiện quản lý lượng tài sản từ nguồn phát hành trái phiếu quốc tế của chính phủ.
- BIDV là một trong những ngân hàng có uy tín cao trong hoạt động kinh doanh đối ngoại.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng

Theo phân tích, đánh giá của BIDV thì lĩnh vực ngân hàng trong những năm tới sẽ phát triển với những đặc điểm sau:

- Cuộc tranh chấp trong lĩnh vực ngân hàng sẽ gia tăng phù hợp với BTA và WTO, cuộc tranh chấp từ các tổ chức tài chính nước ngoài cũng sẽ tăng. Hiện nay, ngân hàng con 100% vốn nước ngoài chưa được phép thành lập ở Việt Nam mà chỉ có các chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới được thành lập tại Việt Nam.
- Các ngân hàng thương mại vẫn là các tổ chức cung cấp nguồn vốn chính cho nền kinh tế cho dù có thể chứng kiến sự giảm dần do các kênh dẫn vốn khác (thị trường chứng khoán, đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp) được mở rộng hơn.
- Hoạt động cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các khách hàng cá nhân sẽ tăng lên đáng kể và cho vay đối với doanh nghiệp nhà nước giảm đi.
- Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao của ngân hàng.
- Thị trường vốn trong nước được xây dựng hoàn chỉnh hơn. Tiến trình cổ phần hoá sẽ mở rộng nguồn hàng trên thị trường chứng khoán. Thị trường này sẽ dần đóng vai trò tích cực trong chuyển giao luồng vốn trực tiếp từ nhà đầu tư phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thông tin tài chính của doanh nghiệp dần trở nên công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các Ngân hàng trong việc đánh giá chất lượng khách hàng và ra các quyết định đầu tư.
- Mô hình ngân hàng được chuyển đổi dần cùng với quá trình hiện đại hoá công nghệ và hệ thống thanh toán. Quy mô các chi nhánh sẽ từng bước được thu gọn và tiêu chuẩn hoá nhưng năng lực phục vụ được nâng cao rõ rệt.
- Chiến lược trọng tâm của các ngân hàng sẽ là đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin để tăng cường sức cạnh tranh.
- Việc các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các ngân hàng Việt Nam đã tăng lên. Tuy nhiên, hiện chưa có tín hiệu nào cho thấy đến năm 2010 nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm giữ cổ phần chi phối ở ngân hàng Việt Nam.

8.3. Cơ hội và thách thức

8.3.1 Cơ hội

- Chi phí vốn giảm dần nhờ đa dạng hoá rủi ro và các công cụ phòng ngừa rủi ro; thị trường tài chính sẽ hoạt động sôi động hơn, hiệu quả hơn, tính thanh khoản cao hơn do có sự xuất hiện của đầu tư nước ngoài.
- Sự có mặt của các ngân hàng nước ngoài sẽ thúc đẩy cho thị trường tài chính phát triển ổn định vững mạnh và tiến dần theo đúng chuẩn mực quốc tế.
- Cuộc tranh chấp mạnh mẽ giữa các ngân hàng trong nước và ngân hàng nước ngoài buộc BIDV phải nhanh chóng cải tổ mô hình hoạt động, đổi mới phương thức kinh doanh để gia tăng sức cạnh tranh.

8.3.2 Những thách thức

- Cuộc tranh chấp trên thị trường tiền tệ diễn ra ngày một gay gắt hơn khi các ngân hàng nước ngoài được mở rộng kinh doanh và được đối xử bình đẳng như các ngân hàng trong nước.
- Để vươn lên trở thành một ngân hàng tầm cỡ trong khu vực, BIDV phải đạt được các chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế như: CAR, ROA, ROE,... Đây chính là điểm yếu không chỉ của BIDV mà cả những NHQD khác.
- Trong khi vẫn phải tiếp tục thực hiện những mục tiêu chính sách của nhà nước (dù ít hay nhiều), BIDV phải tiếp tục lành mạnh hoá tình hình tài chính và thực hiện công bố thông tin công khai minh bạch.

9. Chính sách nguồn nhân lực

9.1 Số lượng và cơ cấu lao động

Đơn vị: Người

| STT | Cơ cấu lao động | 31/12/2005 | 31/3/2006 |
|------------|------------------------------|------------|-----------|
| I. | Theo giới tính | | |
| 1 | Nam | 4.737 | 4.867 |
| 2 | Nữ | 5.132 | 5.295 |
| II. | Theo trình độ học vấn | | |

| | | | |
|---|------------------|--------------|---------------|
| 1 | Tiến sỹ | 06 | 06 |
| 2 | Thạc sỹ | 241 | 241 |
| 3 | Đại học | 7.377 | 7.670 |
| 4 | Trung cấp | 1.168 | 1.168 |
| 5 | Khác | 1.077 | 1.077 |
| | Tổng cộng | 9.869 | 10.162 |

9.2 Chính sách quản lý nhân lực

BIDV nhận thức được rằng nguồn nhân lực là một nhân tố quan trọng cho sự phát triển và thành công. Vì vậy một vấn đề được BIDV quan tâm đó là đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng thông qua thực hiện các biện pháp sau:

- Quan tâm hơn đến công tác tuyển dụng những nhân viên có đầy đủ trình độ và bằng cấp
- + Ở Việt Nam, hàng năm hệ thống các trường đại học cung cấp hàng vạn sinh viên ra trường ở nhiều ngành nghề khác nhau với số lượng lớn các sinh viên tốt nghiệp về Tài chính Ngân hàng. Cũng có lượng lớn các sinh viên Việt Nam tốt nghiệp Khoa Tài chính Ngân hàng ở nước ngoài muốn trở về làm việc cho các NHTM Việt Nam sau khi tốt nghiệp.
- + Hàng năm, BIDV đều tổ chức thi tuyển để lựa chọn các nhân lực đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu vào làm việc.
- Để giữ đội ngũ nhân viên có kỹ năng và bằng cấp làm việc lâu dài tại một ngân hàng trong điều kiện kinh tế thị trường hội nhập như hiện nay cũng là một thách thức đối với BIDV.

9.3 Quy hoạch cán bộ

- BIDV đã xây dựng chiến lược dài hạn và ngắn hạn về nguồn nhân lực.
- Ban lãnh đạo BIDV có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cho các cán bộ cấp cao và đội ngũ kế thừa. BIDV hợp tác với những cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để thực hiện mục tiêu này.
- Các lãnh đạo của BIDV được đào tạo, tiếp cận những nghiệp vụ ngân hàng và ngoại ngữ để đội ngũ lãnh đạo có thể tiếp cận được những thông tin ngân hàng quốc tế.
- Đến nay BIDV đã tổ chức được rất nhiều khóa đào tạo trong và ngoài nước cho các cán bộ nguồn.
- BIDV hợp tác với những cơ sở đào tạo và cử cán bộ của mình tham gia các khóa học nhằm nâng trang bị cho cán bộ của mình những kiến thức mới về quản trị ngân hàng, ngoại ngữ.

9.4 Chính sách khuyến khích người lao động

- Cùng với các chính sách khác để khuyến khích nhân viên, BIDV có các cơ chế động viên tài chính cho nhân viên.
- 6 tháng một lần thực hiện đánh giá kết quả công tác và mức độ tuân thủ các quy định và chính sách/quy trình đối với các đơn vị và cá nhân. Các cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ và tuân thủ nghiêm các quy định của ngân hàng sẽ được khen thưởng xứng đáng.

Hiện nay BIDV vẫn chưa có một cơ chế khuyến khích bằng lương theo quy định của Chính phủ. Theo các quy định này, lương nhân viên được xem xét lại cuối mỗi một kỳ xác định.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu tài chính

Bộ tài chính đã đưa ra tiêu chí đánh giá hoạt động tài chính của các tổ chức tín dụng Nhà nước (Thông tư 49/2004/TT-BTC ngày 03/06/2004). Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2005 như sau:

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính năm 2005 của BIDV

Đơn vị: Tỷ đồng

| Stt | Chỉ tiêu | TH 2004 | TH 2005 | Xếp loại |
|----------|---------------------------------|---------------|---------------|----------|
| I | Chỉ tiêu hoạt động chung | | | |
| 1 | Tốc độ tăng huy động vốn | 19,84% | 21,21% | A |
| - | Số dư huy động vốn BQ | 63.644 | 77.144 | |
| 2 | Tốc độ tăng đầu tư vốn | 15,96% | 16,52% | A |
| - | Dư nợ cho vay BQ | 68.094 | 78.932 | |

| | | | | |
|------------|--|---------------|---------------|------------|
| - | Đầu tư giấy tờ có giá BQ | 9.149 | 11.069 | |
| 3 | Tỷ lệ khả năng sinh lời | 91,70% | 88,63% | A |
| - | Tài sản có sinh lời BQ | 87.182 | 99.320 | |
| - | Tổng tài sản có nội bảng BQ | 95.073 | 112.060 | |
| 4 | Chấp hành, thực hiện chính sách chế độ | | | A |
| II | Chỉ tiêu an toàn sử dụng vốn | | | |
| 5 | Tỷ lệ nợ quá hạn | 3,78% | 3,19% | A |
| - | Dư nợ quá hạn(không gồm nợ khoanh, nợ chờ xử lý) | 2.738 | 2.726 | |
| - | Tổng dư nợ cho vay | 72.430 | 85.434 | |
| III | Chỉ số về lợi nhuận | | | |
| 6 | Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận trên vốn (*) | | | A |
| - | Lợi nhuận thực hiện (Lợi nhuận sau thuế) | 610 | 560 | |
| - | Nguồn vốn Nhà nước BQ | 5.655 | 6.184 | |
| - | Tỷ suất lợi nhuận trên vốn | 10,79% | 9,06% | |
| | Xếp loại chung | | | AAA |

10.2 Hoạt động tài chính

- **Huy động vốn:** Nguồn vốn huy động đến 31/12/2005 đạt 87.026 tỷ đồng, tăng 30% so với đầu năm, tuyệt đối tăng 19.763 tỷ đồng. Huy động vốn bình quân đạt 77.144 tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với đầu năm.
- **Tốc độ tăng đầu tư vốn:** Dư nợ tín dụng đến 31/12/2005 đạt 85.434 tỷ đồng, tăng trưởng 18% so với đầu năm. Dư nợ bình quân năm 2005 đạt 78.932 tỷ đồng, tăng 16% so với đầu năm. Đầu tư giấy tờ có giá bình quân năm 2005 đạt 11.069 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2004. Do vậy tốc độ tăng đầu tư vốn năm 2005 đạt 16,5%, tăng so với năm 2004 (tốc độ tăng đầu tư vốn năm 2004 so với 2003 đạt 15,9%).
- **Tỷ lệ khả năng sinh lời:** Tổng tài sản có sinh lời đến 31/12/2005 đạt 118.813 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm, chiếm 98% so với tổng tài sản có nội bảng.
- **Chấp hành, thực hiện chính sách chế độ:** Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam luôn chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách nhà nước đã ban hành trong lĩnh vực tài chính, không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành.
- **Tỷ lệ nợ quá hạn:** Đến 31/12/2005, dư nợ quá hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (không bao gồm nợ khoanh, nợ chờ xử lý) ở mức 2.726 tỷ đồng, chiếm 3,19% trên tổng dư nợ (thực hiện năm 2004 là 3,78%).
- **Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận trên vốn:** Năm 2005, chênh lệch thu chi trước dự phòng rủi ro đạt 2.773 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2004. Bên cạnh đó, theo quy định của NHNN tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, BIDV phải trích lập đủ DPRR trong vòng 5 năm. Tuy nhiên, để phần đầu hoàn tất trích dự phòng chỉ trong 3 năm, riêng năm 2005 BIDV đã tập trung dồn trích dự phòng 2.032 tỷ đồng. Do vậy, lợi nhuận sau thuế của BIDV là 560 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2004.

Căn cứ vào các chỉ tiêu phân tích trên, BIDV tự đánh giá là Tổ chức tín dụng **xếp loại AAA** (tính đến ngày 20/06/2006, Bộ Tài chính vẫn chưa có ý kiến gì về việc tự đánh giá trên của BIDV).

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

11.1 Cơ cấu quản trị và điều hành

* Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách đến ngày lập Bản Cáo bạch này bao gồm:

| Tên | Chức danh |
|---------------------|-----------------------------------|
| Ông Vũ Quốc Sáu | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Trần Bắc Hà | Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Vượng | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Văn Phẩm | Ủy viên kiêm Trưởng Ban Kiểm soát |

Chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị được nêu dưới đây.

*** Ban Tổng giám đốc :**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chuyên trách làm việc tại BIDV tính đến ngày lập Bản Cáo bạch này bao gồm:

| Tên | Chức danh |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Trần Bắc Hà | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Trung Hiếu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Đào Nguyên | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Huy Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn Lộc | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Quý Trung | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Khắc Thân | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Ngô Thị Ất | Kế Toán trưởng |

Chi tiết về các thành viên Ban Tổng Giám đốc được nêu dưới đây.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị:

1. **Ông Vũ Quốc Sáu:**

Sinh năm: 1947

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1971

Được bổ nhiệm là Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV từ tháng 7/2003 và Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV từ tháng 3/2005.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống: Chủ tịch Hội đồng quản trị Liên doanh Bảo hiểm Việt-Úc (nay là Công ty Bảo hiểm BIDV), Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV, Phó Tổng giám đốc BIDV, và Giám đốc chi nhánh BIDV Hải Phòng.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

2. **Ông Trần Bắc Hà**

Sinh năm: 1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1981

Được bổ nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV kiêm Tổng Giám đốc từ tháng 7/2003.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống: Phó Tổng Giám đốc BIDV, Giám đốc Sở giao dịch III của BIDV, Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV, Giám đốc Công ty Chứng khoán BIDV và Giám đốc Chi nhánh BIDV Bình Định.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

3. **Ông Nguyễn Văn Phẩm**

Sinh năm: 1949.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế, Chứng chỉ Cao học Kinh tế

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại ngành Ngân hàng từ năm 1973 và tại BIDV từ năm 1992

Được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng ban kiểm soát BIDV từ tháng 8/2002. Từ tháng 7/2003 ông Phẩm cũng là Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng VN.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong ngành Ngân hàng: Phó Tổng Giám đốc BIDV, Giám đốc Trung tâm đào tạo BIDV, Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV, Giám đốc chi nhánh BIDV Đắk Lắk và Phó Giám Đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

4. **Bà Nguyễn Thị Vượng**

Sinh năm: 1952.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1977

Được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV từ tháng 2/2003.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống: Ủy viên Hội đồng quản trị Liên doanh Bảo hiểm Việt-Úc và Giám Đốc Ban Kế Toán BIDV.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Ban Tổng Giám Đốc

A. Tổng Giám Đốc

Ông Trần Bắc Hà

B. Phó Tổng Giám Đốc

(Danh sách các Phó Tổng Giám Đốc được xếp theo văn A,B,C)

1. Ông Hoàng Huy Hà

Sinh năm 1955.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1986

Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 7/2002. Từ tháng 7/2003 đến 6/2005, ông Hà kiêm Chủ tịch Công ty Chứng khoán BIDV.

Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong hệ thống như: Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV, Giám đốc chi nhánh BIDV Bình Dương và Giám đốc chi nhánh BIDV Sông Bé.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu

Sinh năm 1954.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng, Chứng chỉ Cao học Kinh tế, đang học thạc sỹ Quản trị Kinh doanh cao cấp

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1977

Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 9/1997. Từ tháng 8/2002 đến nay ông Hiếu đồng thời là Ủy viên Hội đồng quản trị Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương. Hiện ông Hiếu cũng là Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh tháp BIDV.

Từng giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh BIDV Đà Nẵng, Giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Nam-Đà Nẵng.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

2. Ông Lê Văn Lộc

Sinh năm 1950.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1975

Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 7/2002. Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2005, ông Lộc đồng thời kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Liên doanh Bảo hiểm Việt-Úc (nay gọi là Công ty bảo hiểm BIDV).

Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành Ngân hàng: Giám đốc Sở giao dịch BIDV, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thanh Hoá và Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Hoá.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

3. Ông Lê Đào Nguyên

Sinh năm: 1956.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học kỹ thuật BRNO-Tiệp Khắc, Chứng chỉ cao học kinh tế, đang học thạc sỹ chính trị kinh doanh cao cấp.

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1983.

Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 7/1998. Từ tháng 6/2002 đến nay, ông Nguyên kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt, từ tháng 7/2004 đến nay kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chuyển mạch tài chính quốc gia, từ tháng 11/2004 đến nay kiêm Giám đốc Ban Quản lý Dự án triển khai mở rộng hệ thống SIBS.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt và Giám đốc Sở giao dịch BIDV.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

4. Ông Nguyễn Khắc Thân

Sinh năm: 1952.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài Chính-Kế toán, chứng chỉ Cao học Kinh tế

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1979.

Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004. Đồng thời ông Thân được là Chủ tịch Công ty chứng khoán từ tháng 7/2005, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV- Partner.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong ngành Ngân hàng: Giám đốc Sở giao dịch BIDV và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bắc Ninh.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

5. Ông Trần Quý Trung

Sinh năm: 1952.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Xây dựng, Cử nhân Đại học Kinh tế quốc dân, Chứng chỉ Cao học Kinh tế

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1980.

Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh VID-Public và Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

6. Ông Trần Anh Tuấn

Sinh năm: 1958.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán, chứng chỉ cao học kinh tế

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1981.

Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 9/1998. Từ tháng 1/2005 đến nay, ông Tuấn cũng kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh VID-Public.

Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành Ngân hàng: Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh VID-Public, Chủ tịch Công ty chứng khoán BIDV, Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

Sinh năm: 1949.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế, Chứng chỉ Cao học Kinh tế

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Bắt đầu làm việc tại ngành Ngân hàng từ năm 1973 và tại BIDV từ năm 1992

Được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng ban kiểm soát BIDV từ tháng 8/2002. Từ tháng 7/2003 ông Phẩm cũng là Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng VN.

Từng giữ các chức vụ quan trọng trong ngành Ngân hàng: Phó Tổng Giám đốc BIDV, Giám đốc Trung tâm đào tạo BIDV, Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV, Giám đốc chi nhánh BIDV Đắk Lắk và Phó Giám Đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

2. Ông Đinh Ngọc Nhân

Sinh năm 1948

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán.

Quá trình công tác:

| | |
|------------------|--|
| 01/1971 – 5/1980 | Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Lai Châu |
| 6/1980 - 12/1981 | Cán bộ Vụ Tín dụng Nông nghiệp – NHNN Việt Nam |
| 01/1982 - 3/2000 | Chuyên viên BIDV |
| 3/2000 - 6/2003 | Chuyên viên Ban kiểm soát HĐQT |
| 07/2003 - Nay | Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát HĐQT BIDV. |

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát HĐQT BIDV.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

3. Bà Trần Thị Diệp Anh

Sinh năm: 1963

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân hàng.

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 3/1986 – 7/1992 | Cán bộ BIDV chi nhánh Hà Nội; |
| 8/1992 – 12/1994 | Chuyên viên BIDV; |
| 01/1995 – 12/1998 | Phó trưởng phòng Tín dụng của BIDV |
| 1/1999 – 11/2001 | Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty cho thuê Tài chính BIDV; |
| 12/2001 – 4/2003 | Chuyên viên, Ban kiểm tra kiểm toán nội bộ BIDV. |
| 5/2003 - 6/2003 | Chuyên viên Ban Kiểm soát HĐQT; |
| 07/2003 – 2/2006 | Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát BIDV. |
| 03/2006 – Nay | Phó phòng phụ trách phòng Kiểm toán, Ban Kiểm soát - Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát HĐQT BIDV |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó phòng phụ trách phòng Kiểm toán, Ban Kiểm soát - Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát HĐQT BIDV.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

11.2. Quyền lợi của các thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát không mâu thuẫn với lợi ích của BIDV.

11.3. Các thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát không có lợi ích liên quan đối với đợt phát hành.

12. Tài sản cố định

Bảng 22: Báo cáo tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2005 của BIDV

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Loại tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
|-----------|---|------------------|-----------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 1.171.940 | 638.750 |
| 1 | Văn phòng và nâng cấp cải tạo văn phòng | 406.992 | 283.976 |
| 2 | Thiết bị văn phòng | 523.281 | 259.816 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 235.324 | 90.319 |
| 4 | Tài sản cố định khác | 6.343 | 4.639 |
| II | Tài sản cố định vô hình | 258.152 | 189.353 |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 129.715 | 127.312 |
| 2 | Phần mềm vi tính | 128.437 | 62.041 |

13. Kế hoạch lợi nhuận và doanh thu**Khuyến cáo của HSBC:**

Phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam, kế hoạch lợi nhuận và doanh thu của BIDV trong các năm được quy định trong phần có tiêu đề "Kế hoạch lợi nhuận và doanh thu" trong Bản Cáo bạch.

Kế hoạch lợi nhuận và doanh thu do BIDV xây dựng và Ban lãnh đạo của BIDV sẽ chịu trách nhiệm về kế hoạch này.

Kế hoạch lợi nhuận và doanh thu được lập trên cơ sở các giả định và dự báo. Mặc dù được trình bày bằng số liệu cụ thể cũng như được BIDV coi là hợp lý nhưng kế hoạch này vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào những yếu tố bất ổn và không xác định được về kinh doanh, cạnh tranh hay kinh tế nói chung (các yếu tố này nằm ngoài tầm kiểm soát của BIDV) và phụ thuộc vào các quyết định kinh doanh có thể được thay đổi trong tương lai của BIDV. Do vậy, BIDV không thể đảm bảo được là những kết quả kinh doanh này chắc chắn đạt được.

HSBC không chịu trách nhiệm về Kế hoạch Lợi nhuận cũng như tính chính xác và đầy đủ về bất cứ thông tin nào trong Bản Cáo bạch này và HSBC cũng không đưa ra bất cứ một bảo đảm nào đối với những thông tin nêu trên.

Báo cáo kiểm toán của Ernst & Young kèm theo Bản Cáo bạch này chỉ liên quan đến những số liệu tài chính có từ trước và sẽ không liên quan đến Kế hoạch Lợi nhuận.

Người đọc Bản Cáo bạch này được khuyến cáo là không nên dựa vào Kế hoạch Lợi nhuận.

13.1. Căn cứ lập kế hoạch

BIDV xây dựng kế hoạch lợi nhuận và doanh thu giai đoạn 2006 – 2010 dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ **Thông báo số 191-TB/TW ngày 01/9/2005 của Bộ Chính trị** về mục tiêu, giải pháp phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;
- Căn cứ một số chỉ tiêu về tiền tệ và hoạt động ngân hàng đến năm 2010 tại **Dự thảo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng giai đoạn 2006-2010**. Trong đó:
 - Tốc độ tăng trưởng tín dụng 18-20% giai đoạn 2004-2006 và 13-15% giai đoạn 2007-2010.
 - Tốc độ tăng trưởng huy động vốn 22-25% giai đoạn 2004-2006 và 20-22% giai đoạn 2007-2010.
 - Tỷ lệ an toàn vốn đến 2010 >8%.
 - Khả năng sinh lời ROE: 14-16%.
- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khoá IX) của Đảng về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN;

13.2. Kế hoạch lợi nhuận và doanh thu giai đoạn 2006 - 2008**Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận của BIDV**

| TT | Chỉ tiêu | 2006 | | 2007 | | 2008 | |
|----------|-------------------------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|
| | | CK | % | CK | % | CK | % |
| 1 | Tổng thu nhập ròng | 5.682 | <i>39%</i> | 6.954 | <i>22%</i> | 8.183 | <i>18%</i> |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 853 | 52% | 1.180 | | 2.117 | |
| 3 | Tài sản có sinh lời BQ | 117.869 | 10% | 154.362 | | 183.502 | |
| 4 | ROA (LNST /TSC BQ) | 0,64% | | 0,73% | | 1,09% | |
| 5 | ROE (LNST /Vốn chủ sở hữu BQ) | 9,78% | | 9,68% | | 13,57% | |

14. Đánh giá của BSC về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận kinh doanh của BIDV

Căn cứ chính sách của Đảng và Nhà nước về mục tiêu giải pháp phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; căn cứ vào chiến lược phát triển phát triển ngành ngân hàng giai đoạn 2006-2010, trên cơ sở phân tích điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức của môi trường kinh doanh trong những năm tới, BSC cho rằng có 03 lý do để tin tưởng đây là một kế hoạch tương đối khả thi nếu không xuất hiện những yếu tố bất ổn, không thể tiên liệu trước trong kinh doanh hoặc xảy ra những sự kiện bất khả kháng:

- Một là, cùng với việc tiến xử lý nợ xấu và tái cơ cấu, năng lực tài chính của BIDV sẽ được gia tăng mạnh mẽ;
- Hai là, thông qua việc thực hiện chính sách đổi mới triệt để về công tác tổ chức, cán bộ, chất lượng nguồn nhân lực của BIDV sẽ nhanh chóng được cải thiện;
- Ba là, thông qua việc thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hiện đại hóa do WB và ADB tài trợ, BIDV sẽ nhanh chóng tiếp cận và triển khai áp dụng nhiều công nghệ mới, nhiều sản phẩm mới;

Tuy nhiên, BSC cũng lưu ý các nhà đầu tư rằng, BSC không đảm bảo chắc chắn BIDV có thể đạt và vượt các chỉ tiêu trên.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của BIDV

Tổng số dư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết khác tại thời điểm cuối năm 2005 và quý 1 năm 2006 như sau:

Bảng 24: Bảng số dư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết

Đơn vị : triệu đồng

| | 31/12/2005 | | | 31/12/2004 | | |
|---|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | Quá hạn | Trong hạn | Tổng số | Quá hạn | Trong hạn | Tổng số |
| <i>Các khoản bảo lãnh</i> | | | | | | |
| Bảo lãnh tài chính | - | 11.745.958 | 11.745.958 | - | 8.932.785 | 8.932.785 |
| Thư tín dụng trả ngay | - | 9.611.482 | 9.611.482 | - | 5.650.441 | 5.650.441 |
| Thư tín dụng trả chậm | - | 1.084.396 | 1.084.396 | - | 778.725 | 778.725 |
| <i>Các khoản cam kết</i> | | | | | | |
| Cam kết bán - hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn | - | 349.844 | 349.844 | - | 482.740 | 482.740 |
| Cam kết mua - hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn | - | 235.012 | 235.012 | - | 428.531 | 428.531 |
| | - | 23.026.692 | 23.026.692 | - | 16.273.222 | 16.273.222 |

Số dư các cam kết cho vay chưa giải ngân tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

2005

Các cam kết cho vay chưa giải ngân

83.653.099

Trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, BIDV đã thực hiện nhiều cam kết khác nhau và phát sinh một số các khoản nợ tiềm tàng không được thể hiện trong bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho BIDV.

BIDV thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do BIDV đánh giá.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Tại thời điểm nộp đơn niêm yết, không có vụ kiện tụng hoặc thủ tục tố tụng nào chưa được giải quyết xong mà có liên quan hoặc ảnh hưởng đến BIDV hoặc bất cứ công ty thành viên nào của BIDV; cũng không có vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng nào có ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc tác động bất lợi đến khả năng thực hiện các nghĩa vụ của BIDV theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu hoặc các vấn đề quan trọng khác liên quan đến trái phiếu.

III. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu tăng vốn đảo hạn năm 2016

1.1. Hình thức, Mệnh giá và Quyền Sở hữu

Hình thức và Mệnh giá

Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá là 100.000 Đồng Việt Nam hoặc bội số của mệnh giá 100.000 Đồng.

Quyền Sở hữu

Ngay sau khi phát hành, BIDV sẽ duy trì danh sách người sở hữu Trái phiếu ("**Sổ Đăng ký Ban đầu**"). Sổ Đăng ký này sẽ thể hiện những chi tiết sau:

- a. Tên và địa chỉ của Người Sở hữu Trái phiếu tại thời điểm họ sở hữu Trái phiếu;
- b. Tổng số Trái phiếu do từng Người Sở hữu Trái phiếu nắm giữ;
- c. Chi tiết về tài khoản của Người Sở hữu Trái phiếu để thực hiện thanh toán các trái phiếu.

Cho đến khi được niêm yết Trái phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, quyền sở hữu đối với Trái phiếu sẽ chỉ được coi là đã chuyển sang cho người khác sau khi đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng theo quy định của BIDV và các thông tin chi tiết của người nhận chuyển nhượng đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký Ban đầu. BIDV sẽ giao cho người được chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu mới với mệnh giá bằng mệnh giá của Trái phiếu đã được chuyển nhượng xác nhận tên của người được chuyển nhượng và quyền sở hữu Trái phiếu của người được chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký Ban đầu.

Khi Trái phiếu được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và khi danh sách Người Sở hữu Trái phiếu ("**Sổ Đăng ký**") được lập bởi Trung tâm Lưu ký ("**Trung tâm Lưu ký**"), Sổ Đăng ký Ban đầu và giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu được ghi trong Sổ Đăng ký Ban đầu sẽ không còn giá trị. Quyền sở hữu Trái phiếu sẽ chỉ được coi là đã chuyển sang cho người khác phù hợp với quy định luật pháp hiện hành về đăng ký, thanh toán chứng khoán, và đăng ký chi tiết của người được chuyển nhượng trong Sổ Đăng ký.

Quyền của Người Sở hữu Trái phiếu

Mỗi Người Sở hữu Trái phiếu sẽ được coi là sở hữu chủ duy nhất của Trái phiếu đó về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái phiếu đó. Các chứng chỉ hoặc tài liệu nào do BIDV phát hành (trước khi niêm yết Trái phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc do Trung tâm Lưu ký phát hành đối với khoản tiền gốc của các Trái phiếu tái lưu ký trong tài khoản của Người Sở hữu Trái phiếu, trừ khi có sai sót hiển nhiên, sẽ được coi là có giá trị pháp lý duy nhất cho dù được sử dụng vì bất kỳ mục đích gì.

1.2 Đặc điểm Trái phiếu

(1) *Nợ Thứ Cấp*

(a) Các Trái phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm bằng tài sản và không được ưu tiên thanh toán của BIDV, phù hợp với đoạn (b) dưới đây, và các Trái phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau.

(b) Trong trường hợp BIDV bị đặt vào tình trạng phá sản, quyền đòi nợ của Người Sở hữu Trái phiếu sẽ,

- (i) Chỉ được giải quyết sau quyền đòi nợ của người gửi tiền và các chủ nợ được ưu tiên khác của BIDV nhưng sẽ được xếp ít nhất là ngang bằng với các quyền đòi nợ Thứ cấp khác (cho dù đang tồn tại hay sẽ phát sinh) mà BIDV phải thanh toán; và
- (ii) Được ưu tiên thanh toán trước so với quyền đòi nợ của các chủ nợ thứ cấp khác mà quyền đòi nợ của các chủ nợ này sẽ có thứ tự ưu tiên thanh toán sau quyền đòi nợ phát sinh từ Trái phiếu; và của các chủ sở hữu của BIDV, bao gồm cả các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi của BIDV, nếu có.

(c) Tùy từng trường hợp, nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi của BIDV sẽ phụ thuộc vào việc BIDV có duy trì được Khả năng Thanh toán, hoặc hoàn trả khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ các Trái phiếu hay không.

(2) *Từ bỏ Quyền Bù trừ Nghĩa vụ*

Người Sở hữu Trái phiếu sẽ không sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với BIDV hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. Người Sở hữu Trái phiếu không được sử dụng quyền đòi thanh toán để khấu trừ nghĩa vụ tài chính.

(3) *Khả năng Thanh toán*

Bất kỳ báo cáo nào của các Tổ chức kiểm toán (hoặc ý kiến của tòa án trong trường hợp BIDV bị xử lý theo thủ tục phá sản) về việc BIDV có Khả năng Thanh toán hay không, trừ khi có sai sót hiển nhiên, sẽ được coi là, và được BIDV và Người Sở hữu Trái phiếu chấp nhận là, bằng chứng đầy đủ và chính xác về tình trạng đó.

Trong trường hợp không có bằng chứng chứng minh ngược lại, các bên đồng ý giả định rằng (trừ phi được chứng minh ngược lại), BIDV vẫn có Khả năng Thanh toán sau khi thực hiện thanh toán cho các Trái phiếu.

1.3 Tiền Lãi

(1) Lãi suất và Ngày Thanh toán Lãi

Trái phiếu được hưởng lãi suất là 9,80 %/năm (9.800 Đồng trên mệnh giá 100.000 Đồng của Trái phiếu) được tính từ Ngày Phát hành cho đến, nhưng không bao gồm, Ngày Thực hiện Quyền Mua lại và được thanh toán vào ngày trùng với ngày 19 tháng 5 hàng năm (mỗi ngày gọi là "Ngày Thanh toán Lãi") và nếu Trái phiếu không được BIDV mua lại vào Ngày Thực hiện Quyền Mua lại, thì sau đó Trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất 10,325%/năm (10.325 Đồng trên mệnh giá 100.000 Đồng của Trái phiếu) được tính từ Ngày Thực hiện Quyền Mua lại cho đến, nhưng không bao gồm, Ngày Đến Hạn và được thanh toán vào các Ngày Thanh toán Lãi.

(2) Lãi suất Lũy kế

Trái phiếu sẽ không được hưởng lãi suất kể từ, và bao gồm, ngày đến hạn mua lại trừ khi, vào ngày đó, mệnh giá Trái phiếu đã không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán hoặc do nguyên nhân khác thì trong trường hợp đó, lãi suất sẽ được tính lũy kế.

(3) Trì hoãn việc Thanh toán Tiền lãi

Trong trường hợp việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh của BIDV bị lỗ trong năm tài chính, BIDV có thể có quyền được hoãn việc thanh toán lãi đến hạn cho đến Ngày Thanh toán Lãi tiếp theo. BIDV từ bỏ không huỷ ngang quyền này.

1.4 Thanh toán

Cho tới khi niêm yết Trái phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, BIDV sẽ chuyển các khoản thanh toán liên quan đến Trái phiếu vào các tài khoản đã được chỉ định vào ngày đến hạn thanh toán đó. Sau đó, việc thanh toán các khoản tiền liên quan đến Trái phiếu sẽ được thực hiện cho hoặc theo lệnh của Trung tâm Lưu ký (đại diện cho Người Sở hữu Trái phiếu) để phân bổ cho Người Sở hữu Trái phiếu có quyền nhận khoản thanh toán đó theo quy định và thủ tục của Trung tâm Lưu ký.

1.5 Mua lại và Mua Trái phiếu

(1) Mua lại khi Đến hạn

Trừ khi được mua lại, mua hoặc hủy bỏ trước như được quy định dưới đây, BIDV sẽ mua lại Trái phiếu với mệnh giá Trái phiếu vào Ngày Đến hạn.

(2) Quyền Mua lại trước hạn của BIDV

Quyền mua lại trái phiếu trước hạn: Khi trái phiếu thoả mãn quy định tại Điều kiện 1.5 (5), BIDV thực hiện mua lại bằng mệnh giá toàn bộ trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại. Mỗi người sở hữu trái phiếu có nghĩa vụ phải chấp nhận đổi các trái phiếu cho BIDV để nhận các khoản tiền gốc thanh toán cho việc mua lại đó.

BIDV có thể bằng việc gửi thông báo cho người sở hữu trái phiếu chậm nhất 15 ngày nhưng không sớm hơn 60 ngày trước ngày mua lại theo điều kiện 1.9 (thông báo này là không huỷ ngang).

Việc mua lại trái phiếu trước hạn phụ thuộc vào năng lực tài chính của BIDV và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của BIDV tại thời điểm mua lại theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(3) Mua Trái phiếu

BIDV có thể mua Trái phiếu bất cứ lúc nào bằng bất cứ cách nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi Người Sở hữu Trái phiếu có quyền quyết định có bán Trái phiếu của mình cho BIDV hay không.

(4) Hủy bỏ

Tất cả Trái phiếu được (a) BIDV mua lại hoặc (b) được mua bởi hoặc theo ủy quyền của BIDV sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

(5) Điều kiện Mua lại Trái phiếu

Không ảnh hưởng đến bất cứ điều khoản nào trong những Điều kiện này, Trái phiếu có thể không được mua lại (trừ khi được quy định tại Điều kiện 1.5(1) hoặc 1.7 nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

1.6 Thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu do BIDV hay một tổ chức khác đại diện cho BIDV thực hiện sẽ được khấu trừ tất cả các loại thuế theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

1.7 Sự kiện Vi phạm

(1) Nếu BIDV vi phạm không thực hiện thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi, và vi phạm đó vẫn tiếp diễn trong thời gian 5 ngày (đối với khoản tiền gốc) hoặc 10 ngày (đối với tiền lãi) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một "Sự kiện Vi phạm"), thì để buộc BIDV thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Người Sở hữu Trái phiếu có toàn quyền khởi kiện theo thủ tục phá sản mà không cần phải gửi thông báo nữa, nhưng không được tiến hành thêm bất kỳ hành động nào khác liên quan đến vi phạm đó.

(2) Nếu BIDV bị đặt vào thủ tục phá sản hay giải thể (bất kể là có một Sự kiện Vi phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một "Sự kiện Vi phạm"), thì Người Sở hữu Trái phiếu

có quyền, bằng một văn bản thông báo gửi cho BIDV được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo đó (và nếu điều kiện tương ứng về khả năng thanh toán nợ quy định tại Điều kiện 1.2 được thoả mãn), yêu cầu Trái phiếu mình đang nắm giữ đến hạn phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái phiếu sẽ được coi sẽ đến hạn thanh toán ngay lập tức cùng với lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

1.8 Buộc thi hành đối với nghĩa vụ không phải là nghĩa vụ thanh toán

(1) Người Sở hữu Trái phiếu có quyền tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết (trừ thủ tục phá sản BIDV) mà người đó cho là phù hợp và có quyền, phù hợp với các quy định dưới đây, nhằm buộc thi hành bất kỳ nghĩa vụ, điều kiện hoặc quy định nào ràng buộc BIDV ngoài nghĩa vụ thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi của Trái phiếu;

Với điều kiện là BIDV sẽ không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào (dù liên quan đến tiền gốc hoặc tiền lãi hoặc các khoản khác của Trái phiếu hoặc thanh toán tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, điều kiện hoặc quy định nào như vậy) do hậu quả của việc tiến hành các thủ tục đó cho Người Sở hữu Trái phiếu đó.

(2) Người Sở hữu Trái phiếu chỉ được quyền khởi kiện BIDV để buộc thực thi các nghĩa vụ, điều kiện hoặc quy định nếu BIDV (trừ trường hợp khi vi phạm đó không có khả năng khắc phục và vẫn tiếp diễn thì không phải gửi thông báo như được đề cập dưới đây) khắc phục vi phạm do mình gây ra trong vòng 60 ngày (hoặc trong thời gian lâu hơn nếu được Người Sở hữu Trái phiếu đồng ý) sau khi Người Sở hữu Trái phiếu đã thông báo bằng văn bản về vi phạm đó cho BIDV yêu cầu phải khắc phục vi phạm.

1.9 Thông báo

Các thông báo gửi cho Người Sở hữu Trái phiếu sẽ được gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ tương ứng của người đó ghi trong Sổ Đăng ký Ban đầu của BIDV thì thông báo đó được xem là đã được gửi vào Ngày Giao dịch thứ tư kể từ ngày gửi.

1.10 Luật áp dụng

Các Điều khoản của Trái phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật pháp Việt Nam.

2. Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu tăng vốn đáo hạn năm 2021

Các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu sẽ có đặc điểm được quy định theo "Các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu Tăng vốn đáo hạn năm 2016", trừ các điều khoản về lãi suất và ngày thanh toán.

Lãi suất và ngày thanh toán lãi

Tiền lãi được hưởng từ các Trái phiếu với lãi suất bằng 10,20%/năm (10.200 Đồng với những Trái phiếu có mệnh giá gốc là 100.000 Đồng) được tính từ Ngày Phát hành đến ngày ngay trước Ngày Thực hiện Quyền Mua lại và được thanh toán vào ngày trùng với ngày 19 tháng 5 hàng năm (mỗi ngày gọi là "**Ngày Thanh toán Lãi**") và nếu Trái phiếu không được BIDV mua lại vào Ngày Thực hiện Quyền Mua lại, thì sau đó Trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất 10,825%/năm (10.825 Đồng trên mệnh giá 100.000 Đồng của Trái phiếu) được tính từ Ngày Thực hiện Quyền Mua lại cho đến, nhưng không bao gồm, Ngày Đến Hạn và được thanh toán vào các Ngày Thanh toán Lãi.

3. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

3.1 Thuế Thu nhập Cá nhân

Theo luật Việt Nam hiện hành, các khoản thanh toán tiền gốc và lãi của Trái phiếu sở hữu bởi nhà đầu tư cá nhân hoặc các khoản thu nhập về vốn có được do bán Trái phiếu không là đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam.

3.2 Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam được áp dụng đối với mọi tổ chức thực hiện hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh tại Việt Nam có lợi nhuận phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh đó.

Theo quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành, lãi từ Trái phiếu sẽ được coi một phần trong tổng doanh thu của một tổ chức và là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các khoản thanh toán trả cho các tổ chức hoạt động tại Việt Nam sẽ không là đối tượng chịu bất kỳ loại thuế nào khác tại Việt Nam.

Thu nhập phát sinh do bán Trái phiếu sẽ được coi là một phần trong tổng doanh thu của một tổ chức và là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.3 Thuế Giá trị Gia tăng

Phát hành và chuyển nhượng Trái phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

3.4 Nhà Đầu tư nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái phiếu cần biết rằng các khoản tiền thanh toán và tiền lãi liên quan đến Trái phiếu có thể sẽ bị khấu trừ để nộp thuế tại Việt nam phù hợp với pháp luật Việt Nam.

IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (844) 2200422 Fax: (844) 2200399

2. Ngân hàng thu xếp phát hành và tư vấn phát hành

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (844) 2200422 Fax: (844) 2200399

Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải

Chi nhánh Hà Nội, Toà nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (844) 933 9189 Fax: (844) 933 3198

3. Tổ chức tư vấn niêm yết

Công ty chứng khoán BSC

Trụ sở chính: Tầng 10 - Tháp đôi - VinCom 191 Bà Triệu, Hà nội.

Tel: (844) 2200668 Fax: (844) 2200669

4. Công ty kiểm toán của BIDV

Công ty TNHH Ernst& Young Việt Nam

Tầng 15, Toà nhà Thương mại Deaha, 360 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (844) 831 5100 Fax: (844) 831 5090

5. Công ty tư vấn luật của Ngân hàng thu xếp phát hành và tư vấn phát hành

Johnson Stokes& Master

Tầng 3, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (844) 825 9775 Fax: (844) 824 4319

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư tiềm năng nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây, ngoài những thông tin được cung cấp trong Bản Cáo bạch này trước khi mua Trái phiếu.

Việc xuất hiện một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của BIDV, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán mệnh giá và tiền lãi của Trái phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng xấu khác mà BIDV hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái phiếu.

1. Rủi ro đối với BIDV

BIDV hoạt động trong ngành ngân hàng nhiều rủi ro

Ngân hàng chịu nhiều rủi ro khác nhau. Rủi ro ngân hàng bao gồm 4 loại rủi ro cơ bản gồm rủi ro tín dụng phát sinh từ phía khách hàng vay và do việc đối tác không thực hiện nghĩa vụ đến hạn của mình với BIDV. Rủi ro thanh khoản phát sinh do ngân hàng không có khả năng thanh toán hoặc phải huy động nguồn vốn có chi phí

quá cao để đáp ứng khả năng thanh toán. Rủi ro thị trường phát sinh do những thay đổi bất thường về giá như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá chứng khoán do ngân hàng nắm giữ và giá các tài sản khác do ngân hàng nắm giữ trong quá trình hoạt động kinh doanh dưới dạng tài sản bảo đảm hoặc các loại khác và rủi ro tác nghiệp. Các ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và BIDV nói riêng, coi rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất bởi các hoạt động tín dụng vẫn là hoạt động chủ yếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

BIDV là ngân hàng thương mại Nhà nước trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao.

BIDV là một ngân hàng thương mại Nhà nước và trước đây hoạt động chủ yếu là cho vay theo chính sách và theo chỉ đạo trực tiếp của nhà nước. Mặc dù, BIDV đã tiến hành trích lập dự phòng đáng kể đối với các khoản nợ xấu, nhà đầu tư cần biết rằng BIDV có thể phải trích lập dự phòng bổ sung và xóa bỏ khoản vay chính sách và các khoản nợ khác phụ thuộc vào việc Chính phủ Việt Nam có tiếp tục coi các khoản nợ đó có rủi ro tín dụng hay không. Ngoài ra, BIDV phụ thuộc vào Nhà nước về vốn tự có và các nguồn vốn khác nhằm đảm bảo có đủ vốn để thực hiện chiến lược kinh doanh của mình và đảm bảo các tỷ lệ thanh khoản và an toàn vốn theo quy định. Lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của Nhà nước trong BIDV sẽ giảm trong trường hợp BIDV tiến hành cổ phần hóa theo dự kiến và khi BIDV tăng vốn thông qua việc niêm yết cổ phiếu, và do đó sự hỗ trợ của Nhà nước đối với BIDV sẽ giảm đi.

BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng thương mại Việt Nam và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường đối với các ngân hàng nước ngoài do Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và theo các hiệp định thương mại hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh từ các ngân hàng nước ngoài sẽ tăng mạnh.

BIDV đã cấp tín dụng với tỷ lệ khá lớn đối với ngành xây dựng, tình trạng suy sụp trong ngành xây dựng tại Việt Nam có thể gây ảnh hưởng bất lợi tới tình hình kinh doanh, tài chính và kết quả hoạt động của BIDV.

2. Các Quy định Khác nhau về Công bố Thông tin, Kế toán và Quản lý

BIDV lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS và IFRS, mà các Chuẩn mực này có những khác biệt cơ bản. Trừ trường hợp được quy định khác đi, các thông tin tài chính thể hiện trong Bản Cáo bạch này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS. Nhà đầu tư cần lưu ý rằng có sự khác biệt đáng kể giữa VAS và IFRS. Ví dụ, theo VAS, trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng trên lợi nhuận (trước khi trích dự phòng rủi ro) là 73,28% trong khi đó, theo IFRS thì tỷ lệ này là 88,99%.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng đến ngày 31 tháng 12 năm 2005, BIDV đã không trích lập đủ các khoản dự phòng rủi ro tín dụng (dự phòng chung và dự phòng cụ thể) và các khoản cam kết, bảo lãnh ngoại bảng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quyết định 493 cho phép BIDV thực hiện trích lập đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể trong thời hạn 5 năm (tức là đến năm 2010) kể từ ngày ban hành Quyết định 493. BIDV đã trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro chung và rủi ro cụ thể cho đến tháng 12 năm 2007.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng ý kiến kiểm toán liên quan đến các báo cáo tài chính năm 2005 của BIDV theo tiêu chuẩn IFRS đưa ra ý kiến ngoại trừ hai điểm. Thứ nhất, công ty kiểm toán không thể xác định được rằng liệu có cần phải trích dự phòng rủi ro về khả năng không thu hồi được các khoản cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước và các khoản nợ do Chính phủ cho phép khoan hay không vì vẫn chưa rõ là liệu Chính phủ Việt Nam có chịu hoàn toàn rủi ro đối với các khoản nợ này hay không. Thứ hai, công ty kiểm toán cho rằng theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (IAS39), giá trị ghi sổ của trái phiếu chính phủ đặc biệt trong báo cáo tài chính ghi cao hơn 387.391 triệu Đồng và rằng lỗ lũy kế ghi thấp hơn một khoản như vậy tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác so với quy định tại các nước khác. Do BIDV hoạt động trong các ngành chứng khoán và ngân hàng là những ngành chịu sự quản lý chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực cao hơn và đưa ra những hướng dẫn mới và các quy định cụ thể hơn.

Tái bùng phát nạn dịch SARS hoặc việc lan rộng của bệnh cúm gia cầm hoặc các bệnh có nguy cơ truyền nhiễm cao tại Châu Á và các nước khác trên thế giới.

Trong sáu tháng đầu năm 2003, Việt Nam cùng với nhiều quốc gia khác tại Châu Á phải đối mặt với sự bùng phát Hội chứng Viêm Đường Hô hấp Cấp ("**SARS**"), một căn bệnh có khả năng truyền nhiễm và gây tử vong cao nhưng đã được ngăn chặn. Tuy nhiên, không ai chắc chắn rằng dịch bệnh SARS hoặc bất kỳ đại dịch tương tự khác không bùng phát trở lại. Đại dịch SARS đã ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế của các quốc gia có bệnh dịch hoành hành, kể cả Việt Nam. Hoạt động của BIDV cũng đã bị ảnh hưởng từ một số yếu tố liên quan đến SARS, bao gồm nhưng không giới hạn bởi nhu cầu vay tiền thế chấp nhà giảm do người dân ít quan tâm đến việc xem và mua nhà trong thời gian có bệnh dịch, lượng khách đến giao dịch tại các chi nhánh của BIDV giảm, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội tiếp thị và có tác động xấu đến chất lượng tài sản do nền kinh tế bị suy yếu và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Nếu đại dịch SARS quay trở lại hoặc bùng phát dịch cúm gia cầm hoặc một bệnh dịch có khả

năng truyền nhiễm cao khác, thì tác động liên đới của các yếu tố này đến hoạt động kinh doanh của BIDV có thể lớn gấp bội và tình hình tài chính của BIDV có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi.

3. Rủi ro đối với Trái phiếu

Tính chất thứ cấp của Trái phiếu

Trái phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và không được ưu tiên thanh toán của BIDV, xếp ngang bằng mà không có bất cứ ưu đãi nào so với các Trái phiếu cùng loại. Trong trường hợp BIDV phá sản, quyền đòi nợ của người sở hữu Trái phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau quyền đòi nợ của tất cả các chủ nợ được ưu tiên của BIDV nhưng ít nhất là ngang bằng với các quyền đòi nợ thứ cấp khác của BIDV, dù đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh. Quyền đòi nợ phát sinh từ Trái phiếu sẽ được ưu tiên giải quyết trước so với quyền đòi nợ của các chủ nợ thứ cấp khác mà theo thỏa thuận quyền đòi nợ của các chủ nợ này sẽ có thứ tự ưu tiên thanh toán sau quyền đòi nợ phát sinh từ Trái phiếu và quyền yêu cầu thanh toán của các chủ sở hữu của BIDV, bao gồm cả các cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi của BIDV, nếu có. Xin xem phần "*Các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu Tăng vốn đảo hạn năm 2016 - Đặc điểm*".

Do các quy định về tính chất thứ cấp như trên, trong trường hợp BIDV giải thể, người sở hữu Trái phiếu sẽ thu hồi được ít nợ hơn người gửi tiền và/hoặc các chủ nợ được ưu tiên khác của BIDV. Quyền của người sở hữu Trái phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền của các chủ nợ, kể cả người gửi tiền, của các công ty con thuộc BIDV. Trái phiếu không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp ưu tiên trước Trái phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Dự kiến phát hành Trái phiếu là để huy động Vốn cấp 2 cho BIDV. Căn cứ vào các yêu cầu luật định về Vốn cấp 2 được áp dụng vào ngày lập Bản Cáo bạch này và do các quy định trên, nếu muốn mua lại Trái phiếu trước ngày đến hạn quy định thì phải có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm đó.

4. Rủi ro liên quan đến phương án trả nợ trái phiếu

Rủi ro này là thuộc về rủi ro thanh toán, khi dòng tiền của ngân hàng không đủ để thanh toán đối với trái phiếu đã phát hành vào ngày đến hạn.

Theo dự thảo chiến lược kinh doanh giai đoạn 2006 -2010 của BIDV, tốc độ tăng trưởng bình quân các chỉ tiêu lớn như sau:

- Tổng tài sản: tăng trưởng 20%/năm;
- Nguồn vốn: tăng trưởng 21%/năm;
- Tín dụng: tăng trưởng 17%/năm;
- Đầu tư: tăng trưởng \geq 31%/năm;

Dự kiến tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 – 2015 sẽ thấp hơn giai đoạn 2006 – 2010 cả về nguồn vốn huy động lẫn tín dụng và đầu tư. Dự kiến đến năm 2011, tỷ trọng trái phiếu 10 năm phải thanh toán/ Tổng tài sản của BIDV là 0,33%, năm 2016 tỷ trọng trái phiếu 15 năm phải thanh toán/Tổng tài sản BIDV là 0,16%.

Với kế hoạch tăng trưởng như trên, đến thời điểm mua lại trái phiếu hoặc thời điểm trái phiếu đến hạn thanh toán, BIDV dự kiến kế hoạch nguồn vốn thanh toán theo các phương án sau:

- Phương án 1: trong trường hợp nếu thanh toán trái phiếu làm cho chỉ số an toàn vốn (CAR) giảm thấp hơn 8% và chi phí phát hành trái phiếu tăng vốn cấp II là hợp lý nếu so sánh với các hình thức phát hành công cụ nợ khác, nếu tỷ lệ vốn cấp II nhỏ hơn 50% vốn cấp I, BIDV sẽ tiếp tục phát hành trái phiếu tăng vốn cấp II theo luật định để thanh toán.
- Phương án 2: trong trường hợp nếu thanh toán trái phiếu, chỉ số an toàn vốn (CAR) vẫn đáp ứng quy định lớn hơn 8%, BIDV có thể dùng các nguồn cho vay, đầu tư đến hạn hoặc huy động vốn bổ sung để thanh toán.

Trong trường hợp chi phí huy động vốn quá cao BIDV sẽ cân nhắc giảm tốc độ tăng trưởng Tài sản có (tín dụng, đầu tư) để dùng nguồn vốn thanh toán đối với trái phiếu đến hạn.

5. Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành phù hợp với pháp luật Việt Nam, quy chế và quy định của Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), BIDV tùy từng thời điểm có quyền huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn việc phát hành thêm Trái phiếu tăng vốn (dù theo kỳ hạn tương tự với Trái phiếu hoặc kỳ hạn khác) hoặc các công cụ tài chính chuyển đổi, tùy thuộc vào việc xin được phê chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có điều gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng thêm vốn này sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến giá Trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

6. Tính thanh khoản của Thị trường đối với Trái phiếu

Không ai bảo đảm rằng Trái phiếu có tính thanh khoản trên thị trường cũng như thị trường mua bán Trái phiếu sẽ phát triển. Nếu thị trường này phát triển, Trái phiếu có thể được mua bán với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy vào nhiều yếu tố, kể cả yếu tố về lãi suất áp dụng, hoạt động của BIDV và thị trường kinh doanh loại chứng khoán tương tự.

7. Hạn chế về quyền đòi nợ trước hạn

Nếu BIDV không thanh toán Trái phiếu khi Trái phiếu đáo hạn, Người Sở hữu Trái phiếu không có quyền buộc BIDV phải thanh toán Trái phiếu trước thời hạn. Tuy nhiên, Người Sở hữu Trái phiếu có thể nộp đơn yêu cầu BIDV tuyên bố phá sản hoặc giải thể.

8. Bảo hiểm Tiền gửi

Nhà đầu tư là tổ chức (trừ công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân) cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái phiếu không là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các nhà đầu tư khác cũng cần biết rằng Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi có thể sẽ không được áp dụng cho Trái phiếu nếu BIDV xin được chấp thuận cần thiết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc miễn áp dụng Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

9. Lãi suất Trái phiếu có thể là đối tượng chịu thuế nếu pháp luật Việt Nam có quy định

Nhà đầu tư cần biết rằng BIDV không phải tính gộp các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái phiếu và rằng pháp luật có thể yêu cầu khấu trừ hoặc khấu lưu thuế đối với các khoản thanh toán đó.

VI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Điều lệ công ty
2. Phụ lục 2: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến BIDV
3. Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán năm 2004
4. Phụ lục 4: Báo cáo kiểm toán năm 2005
5. Phụ lục 5: Báo cáo tài chính quý I/2006

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HĐQT

(đã ký)

VŨ QUỐC SÁU

(đã ký)

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(đã ký)

NGUYỄN VĂN PHẨM

(đã ký)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TRẦN BẮC HÀ

(đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(đã ký)

NGÔ THỊ ẮT

(đã ký)

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(đã ký)

HỒ CÔNG HƯỜNG